

**DANH SÁCH THÍ SINH TP. HÀ NỘI VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm - P.Phúc Lợi	Tiểu Học	110	2354	223010	Lê Thanh Trúc	1A4	90	85,61	87,37
2	Tiểu học Mai Động	Tiểu Học	85	1514	142014	Phạm Cẩm Tú	4a2	111	94,51	101,11
3	Tiểu học Hoàng Mai	Tiểu Học	42	969	96746	Nguyễn Thy Anh	5A1	124	83,56	99,74
4	TH-THCS Hà Nội - Thăng Long (Cấp TH)	Tiểu Học	52	913	88747	Trần Ngọc Trúc Ngân	2A5	75	89,67	83,8
5	PTCS Nguyễn Đình Chiểu (Cấp TH)	Tiểu Học	33	820	81737	Nguyễn Anh Thu	5A1	146	92,8	114,08
6	Tiểu học Nam Thành Công	Tiểu Học	36	629	61658	Nguyễn Đức Hiểu Minh	2A	70	84,47	78,68
7	Tiểu học Chu Văn An - P.Tây Hồ	Tiểu Học	61	616	56956	nguyễn bảo tuệ anh	2A2	86	82,08	83,65
8	Tiểu học Quỳnh Lôi	Tiểu Học	30	592	56168	Phan Bảo Hân	3c	63	90,67	79,6
9	Tiểu học Vĩnh Tuy	Tiểu Học	30	574	53564	Lê Gia Bảo	4a5	90	80,83	84,5
10	Tiểu học Bế Văn Đàn	Tiểu Học	35	568	46893	PHẠM BẢO ANH	1C	99	82,32	88,99
11	Tiểu học Thịnh Quang	Tiểu Học	21	349	31241	Lê Chi Mai	1a3	50	82,08	69,25
12	Tiểu học Thanh Mỹ	Tiểu Học	3	209	20534	Nguyễn Tú Anh	1a3	75	87,28	82,37
13	Tiểu học Trần Quốc Toản - P.Dương Nội	Tiểu Học	3	216	18461	Phan Thị Anh Thu	1a5	86	76,3	80,18
14	TH-THCS Newton 5 (Cấp TH)	Tiểu Học	20	141	13894	Nguyễn Trần Quang Anh	1G2	23	86,52	61,11
15	Tiểu học Nguyễn Trãi - P.Hà Đông	Tiểu Học	2	97	9550	Đinh Bích Ngọc	4a7	92	85,86	88,32
16	Tiểu học Vinschool Times City	Tiểu Học	1	71	7575	Nguyễn Hải Đăng	5b9	71	92,77	84,06
17	Tiểu học Tứ Hiệp	Tiểu Học	1	69	7492	Vũ Minh Châu	3A1	69	94,42	84,25
18	Tiểu học Phúc Hòa	Tiểu Học	1	61	6325	Nguyễn Thị Bảo Châu	3a2	61	90,16	78,5
19	Tiểu học Cát Linh	Tiểu Học	1	65	5908	Tạ Minh Triết	4C	65	79,03	73,42
20	Tiểu học Đông Hội	Tiểu Học	2	60	5414	Nguyễn Hoàng Trang	4C	31	88,29	65,37

21	TH-THCS Hà Nội - P.Khuong Đình (Cấp TH)	Tiểu Học	8	47	4534	Nguyễn Kim Trang Anh	4A1	1	98	59,2
22	Tiểu học Vạn Phúc - P.Ngọc Hà	Tiểu Học	3	35	2831	Đặng Khánh Vy	2	20	84	58,4
23	Tiểu học Tam Hiệp - X.Hát Môn	Tiểu Học	2	23	2260	Nguyễn Mai Phương	5A4	18	87,94	59,97
24	Tiểu học Tạ Hoàng Cơ	Tiểu Học	1	19	1784	Phùng Thiên Ân	1a1	19	81,63	56,58
25	Tiểu học Đô Thị Việt Hưng	Tiểu Học	1	1	91	Truong Tran Linh	6A6	1	79	47,8
1	THCS Liên Ninh	THCS	64	1456	136814	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	7a3	156	79,22	109,93
2	THCS Tây Mỗ 3	THCS	47	755	67733	Phạm Minh Đức	6A2	60	90,25	78,15
3	THCS Chu Văn An - Thanh Trì	THCS	43	580	55749	365666956	7a6	66	92,62	81,97
4	PTCS Nguyễn Đình Chiểu (Cấp THCS)	THCS	16	243	23819	Kiều Thế Vinh	7a1	66	91,56	81,34
5	THCS Phùng Hưng	THCS	2	159	16283	Nguyễn Nam Hùng	7A5	132	90,05	106,83
6	THCS Hàn Thuyên	THCS	1	93	9824	Phạm Lê Bảo Anh	6A	93	91,86	92,32
7	TH-THCS Hà Nội - Thăng Long (Cấp THCS)	THCS	6	86	8922	Tạ Đức Bảo	6A2	70	92,17	83,3
8	THCS VINSCHOOL	THCS	2	64	6105	Nguyễn Mai Chi	6A5	56	83,2	72,32
9	THCS Phúc Hòa	THCS	1	53	5840	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	6C	53	95,81	78,69
10	THCS Thạch Thất	THCS	1	7	708	Phan Lạc Bình Minh	6E	7	88	55,6
11	TH-THCS Hà Nội - P.Khuong Đình (Cấp THCS)	THCS	1	2	209	522167801	8A1	2	91	55,4

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH PHÚ THỌ VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	TH-THCS Cửu Long (cấp TH)	Tiểu Học	203	3489	306972	Bùi Đức Anh	4A	72	88,39	81,83
2	Tiểu học Đình Tiên Hoàng	Tiểu Học	154	2879	267865	Nguyễn Tiến Phúc	2A7	83	84,23	83,74
3	Tiểu học Đồng Đa	Tiểu Học	92	2049	187117	Nguyễn Thục Anh	4A1	108	75,99	88,79
4	Tiểu học Đồng Thịnh - Sông Lô	Tiểu Học	42	1777	154852	Nguyễn Duy Dương	3A	196	74,35	123,01
5	TH-THCS Thành Lập (Cấp TH)	Tiểu Học	20	1706	151108	Nguyễn Phú Bình	4A1	167	83,96	117,17
6	TH-THCS Yên Mông (cấp TH)	Tiểu Học	31	1539	138858	Trịnh Bảo Anh	2A	169	78,71	114,83
7	Tiểu học Đồng Xuân - Thanh Ba	Tiểu Học	92	1555	137629	Bùi Hà Nguyên	5A	81	88,58	85,55
8	Tiểu học Liên Minh	Tiểu Học	44	1392	134649	Đào Tiến Anh	5A5	136	93,78	110,67
9	Tiểu học Ngô Quyền	Tiểu Học	50	1418	132188	Lê Đăng Quang	5A5	142	86,35	108,61
10	Tiểu học Liên Bảo	Tiểu Học	72	1381	131823	Nguyễn Minh Tuấn	1A3	111	82,65	93,99
11	Tiểu học Sơn Đông	Tiểu Học	78	1464	126661	Phan Bảo Đan	3A6	75	82,79	79,67
12	Tiểu học Khai Quang	Tiểu Học	58	1356	125437	Bạch Tiến Dũng	4a2	81	97,65	90,99
13	Tiểu học Supe	Tiểu Học	64	1356	120196	Nguyễn Bình Minh	5a3	124	70,01	91,6
14	Tiểu học Thanh Trù	Tiểu Học	46	1230	110797	Phạm Minh Phụng	5A6	97	82,93	88,56
15	Tiểu học Thọ Sơn	Tiểu Học	64	1018	96618	Hoàng Minh Gia Bảo	1E	61	91,82	79,49
16	Tiểu học Việt Xuân	Tiểu Học	48	1109	94550	Trần Đức Bảo	3A	137	72,02	98,01
17	Tiểu Học Hương Canh B	Tiểu Học	43	978	91742	Hồ Bảo Anh	5A1	75	95,87	87,52
18	Tiểu học Thái Hoà	Tiểu Học	63	1031	90933	Vũ Đức Duy	5c	76	74,32	74,99
19	Tiểu học Đoàn Hùng	Tiểu Học	74	1013	90820	Lê Ánh Dương	2A1	79	76,16	77,3
20	TH-THCS Đồng Tâm (cấp TH)	Tiểu Học	15	1057	90352	Trần Anh Thư	3	176	69,44	112,07
21	Tiểu học Phù Ninh	Tiểu Học	48	1006	89958	Nguyễn Trúc Quỳnh	5G	158	78,2	110,12
22	Tiểu học Sơn Lôi A	Tiểu Học	54	978	86847	Nguyễn Minh Thảo Nhi	5a3	73	86,82	81,29

23	TH-THCS Tân Thành (Cấp TH)	Tiểu Học	27	980	86699	Nguyễn Trần Thảo Vy	4a3	101	84,9	91,34
24	Tiểu học Xuân Hòa - Phúc Yên	Tiểu Học	68	908	83480	Tạ Thị Thu Thảo	5a2	66	81,88	75,53
25	Tiểu học Nguyệt Đức	Tiểu Học	74	917	82061	Đặng Thị Út Hiền	3A5	100	74	84,4
26	Tiểu học Thiện Kế B	Tiểu Học	50	923	81350	Ngô Gia Hân	3A	185	77,82	120,69
27	Tiểu học Vân Cơ	Tiểu Học	41	892	80842	Nguyễn Đức Duy	1A2	115	70,09	88,05
28	TH-THCS Hợp Hòa (cấp TH)	Tiểu Học	51	880	79191	Nguyễn Ngọc Thủy	3A1	117	85,44	98,06
29	Tiểu học Hợp Châu - Tam Đảo	Tiểu Học	36	878	78790	Nguyễn Ngọc Diễm Trang	5a2	61	89,26	77,96
30	Tiểu học Nam Viêm	Tiểu Học	47	837	74673	Nguyễn Minh Nhật	2A1	90	71,4	78,84
1	TH-THCS Tân Thành (Cấp THCS)	THCS	73	1093	92951	Nguyễn Thị Thanh Nhân	7A2	59	86,41	75,44
2	TH-THCS Đồng Tâm (cấp THCS)	THCS	14	751	67955	Bùi Tuấn Kiệt	7	70	90,99	82,59
3	THCS Lý Tự Trọng	THCS	37	487	46983	Phạm Thanh Vy	7A	50	91,98	75,19
4	THCS Sa Đéc	THCS	22	172	14523	383690262	6C	2	96	58,4
5	TH-THCS Cửu Long (cấp THCS)	THCS	22	155	14131	Phuong Linh	6A3	42	82	66
6	THCS Nam Viêm	THCS	12	117	9744	Bùi Nguyễn Thiện Duyên	6A1	18	79,06	54,63
7	TH-THCS Chiềng Châu (cấp THCS)	THCS	3	95	9069	Lê Bảo Hân	6A	55	82,65	71,59
8	TH-THCS Nà Phòn (cấp THCS)	THCS	13	94	7953	Hà Thu Huệ	8A	33	73,7	57,42
9	TH-THCS Thịnh Lang (cấp THCS)	THCS	8	77	6432	Tổng Tường Nguyên	6A2	31	77,94	59,16
10	TH-THCS Tuân Lộ (cấp THCS)	THCS	8	75	6363	Nguyễn Thị Thảo Ngân	6	43	78,53	64,32
11	TH-THCS Bò Sao (Cấp THCS)	THCS	10	65	5458	Cao Trần Yến Vy	6A	19	84,58	58,35
12	TH-THCS Địch Giáo (cấp THCS)	THCS	3	62	4973	Bùi Duy Khải	6A2	30	74,23	56,54
13	THCS Nông Trang	THCS	11	52	4815	Nguyễn Đại Quốc Hùng	8A6	2	95	57,8
14	TH-THCS Tân Lập (cấp THCS)	THCS	2	45	4407	Bùi Hữu Phước	7A	22	87,82	61,49
15	TH-THCS Ân Nghĩa (cấp THCS)	THCS	4	47	4359	Đông Thị Như Quỳnh	6A1	8	87,5	55,7
16	TH-THCS Phú Cường (cấp THCS)	THCS	7	40	3625	Bùi Khôi Nguyên	8A2	16	88,38	59,43
17	TH-THCS Thành Lập (Cấp THCS)	THCS	5	34	2864	bui duc duy	2A2	11	75,91	49,95
18	Liên Cấp Dạ Hợp (Cấp THCS)	THCS	7	32	2852	Nguyễn Toàn	8us	11	90,09	58,45
19	TH-THCS Dân Chủ (cấp THCS)	THCS	6	34	2720	Nguyễn Minh Trí	8A2	9	76,89	49,73
20	TH-THCS Cư Yên (Cấp THCS)	THCS	1	27	2333	Bùi Quỳnh Anh	6B	27	75,15	55,89

**DANH SÁCH THÍ SINH TP. ĐÀ NẴNG VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Hứa Tạo	Tiểu Học	210	3657	283313	Võ Thị Quý Nhân	4B	150	87,62	112,57
2	Tiểu học Số 1 Duy Phước	Tiểu Học	256	3610	275439	Trương Nguyễn Bảo Thy	3A	108	73,38	87,23
3	Tiểu học Nguyễn Đức Thiệu	Tiểu Học	280	3333	245943	Trần Nguyễn Mai Khuê	4E	67	84,4	77,44
4	Tiểu học Thái Thị Bôi	Tiểu Học	167	2687	210879	LÊ HOÀNG BẢO NGÂN	2/4	176	81,28	119,17
5	Tiểu học Tiên An	Tiểu Học	151	2799	204058	Đặng hoàng nhật kin	4.2	107	84,81	93,69
6	Tiểu học Đại Cường	Tiểu Học	128	2578	195368	Mai Nguyễn Gia Hân	3A	188	79,76	123,05
7	TH-THCS FPT Đà Nẵng (Cấp TH)	Tiểu Học	165	2300	193475	Nguyễn Cao Minh An	1A4	74	90,32	83,79
8	Tiểu học Cẩm Phô	Tiểu Học	118	2252	177543	Tô Gia Nhi	1/3	113	78,73	92,44
9	Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi - Liên Chiêu	Tiểu Học	121	2136	168935	Trần Gia Hân	2/6	89	77,73	82,24
10	Tiểu học Trần Quốc Toàn - Tam Kỳ	Tiểu Học	99	2083	159679	Dương Tuệ Nhi	1 6	108	67,69	83,82
11	Tiểu học Nguyễn Thị Bảy	Tiểu Học	122	1984	147656	Nguyễn chí bình	3	73	81,16	77,9
12	Tiểu học Ngô Quyền - Cẩm Lệ	Tiểu Học	79	1713	140089	Nguyễn Trương Diễm Thu	5/6	104	88,14	94,49
13	Tiểu học Lê Tự Nhất Thống	Tiểu Học	82	1765	135495	Trần Phước Khánh	1A	113	93,2	101,12
14	Tiểu học Tiên Lãnh	Tiểu Học	102	1830	133046	Phùng Trần Quốc Bảo	1	100	89,42	93,65
15	Tiểu học Nguyễn Trãi - Điện Bàn	Tiểu Học	108	1698	128725	Nguyễn Đoàn Bích Trân	5b	72	89,06	82,23
16	Tiểu học Trần Quốc Toàn - Điện Bàn	Tiểu Học	58	1659	124561	Nguyễn Gia Hân	2c	174	79,25	117,15
17	Tiểu học Trưng Nữ Vương	Tiểu Học	75	1534	123686	Hà Lê Thảo Nhi	1/4	127	90,17	104,9
18	Tiểu học Duy Châu	Tiểu Học	116	1592	119280	Ngô Thị Bình An	1B	92	74,52	81,51
19	Tiểu học Lê Hồng Phong - Núi Thành	Tiểu Học	81	1535	116646	Phan Võ Nhật Duy	1A	145	83,18	107,91
20	Tiểu học Phan Phu Tiên	Tiểu Học	80	1442	114545	Nguyễn Lê Khánh Ngân	3/6	95	93,97	94,38
21	Tiểu học Núi Thành	Tiểu Học	62	1000	96062	Trần Dương Nhã Uyên	2/3	109	89,53	97,32
22	Tiểu học Lê Văn Tám - Núi Thành	Tiểu Học	35	1202	95541	Lê Thị Nhã Thy	3B	121	78	95,2
23	Tiểu học Huỳnh Ngọc Huệ	Tiểu Học	69	1161	93841	Nguyễn Khôi Nguyên	1/6	119	81,16	96,3

24	Tiểu học Lương Thế Vinh - Hội An	Tiểu Học	74	1103	90238	Phạm Nguyễn Anh Duy	5/3	81	88,02	85,21
25	Tiểu học Tô Hiến Thành	Tiểu Học	67	1145	88660	Lê Thị Bảo Loan	5/2	128	80,23	99,34
26	Tiểu học Hoàng Văn Thụ - Hải Châu	Tiểu Học	51	1048	85989	Trần Ngọc Bảo Nhi	3/3	100	81,71	89,03
27	Tiểu học Võ Thị Sáu - Tam Kỳ	Tiểu Học	37	1019	85653	Phạm Nhật Bảo	5/6	163	83,99	115,59
28	Tiểu học Thái Phiên - Điện Bàn	Tiểu Học	23	1038	85028	Nguyễn Minh Thiện	3D	504	84,29	252,17
29	Tiểu học Nguyễn Như Hạnh	Tiểu Học	81	1080	83698	Trần Bùi Thục Quyên	5/3	47	85,57	70,14
30	Tiểu học Kim Đồng - Tiên Phước	Tiểu Học	40	1053	82994	Nguyễn Mai Thanh Trúc	2/2	319	76,08	173,25
1	THCS Nguyễn Du - Bàn Thạch	THCS	78	1529	123149	Huỳnh Vũ Minh Khôi	7-4	114	82,11	94,86
2	PTDTBT THCS Phước Chánh	THCS	26	1702	120777	Hồ Phạm Hà My	7/1	179	73,67	115,8
3	THCS Lê Ngọc Giá	THCS	122	1488	109383	Nguyễn Thị Khánh Vy	7/1	181	76,11	118,07
4	PTDTBT THCS La Dêê	THCS	66	1420	104991	Vy Thủy Tiên	8	139	80,06	103,64
5	THCS Nguyễn Công Trứ	THCS	119	1338	103873	Trần Vy Oanh	7/8	99	85,72	91,03
6	TH-THCS Phước Thành (Cấp THCS)	THCS	57	1440	102052	Son lai	8/1	116	73,86	90,72
7	THCS Nguyễn Bình Khiêm - Duy Xuyên	THCS	63	1255	93540	Nguyễn Ngọc Hân	7/2	81	75,99	77,99
8	THCS Lê Văn Tám - Tiên Phước	THCS	57	1113	79945	Hường vũ đăng sỹ	6/2	152	68,86	102,11
9	THCS Nguyễn Du - Hà Nha	THCS	108	1059	77796	Nguyễn Phúc nguyên	8/2	61	91,61	79,36
10	THCS Dũng Sĩ Điện Ngọc	THCS	149	1035	76579	Trương Thị Hạ Vi	8.9	41	78,24	63,35
11	TH-THCS FPT Đà Nẵng (Cấp THCS)	THCS	53	800	65983	Bùi Nguyên Khang	6	75	88,47	83,08
12	THCS Điện Nam Bắc	THCS	45	626	47590	Nguyễn Thanh Kiệt	7/2	91	81,07	85,04
13	THCS Tây Sơn	THCS	46	502	41536	Trương Hoàng My	6/5	48	93,79	75,47
14	THCS Trần Ngọc Sương	THCS	70	516	37470	Đoàn Thị Thanh Huyền	8/2	66	82,61	75,96
15	THCS Chu Văn An - Việt An	THCS	41	498	35875	Tô Nguyễn Sơn Ny	83	46	80,2	66,52
16	TH-THCS Lý Thường Kiệt - Hội An (Cấp THCS)	THCS	57	486	35340	Võ Quang Thiện	8/2	64	77,48	72,09
17	THCS Lê Độ	THCS	31	433	34407	Nguyễn Hà Anh	7/12	87	84,98	85,79
18	THCS Huỳnh Thúc Kháng - Thanh Khê	THCS	30	353	29041	Nguyễn Tuấn Kiệt	6	60	77,18	70,31
19	THCS Quang Trung - Đức Phú	THCS	23	366	28122	Nguyễn Ly Na	8/1	75	83	79,8
20	THCS Nguyễn Bá Ngọc	THCS	28	341	25052	Trần Thị Ngọc Linh	7/1	60	77,55	70,53

**DANH SÁCH THÍ SINH TP. HUẾ VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Nước Ngọt 1	Tiểu Học	119	1718	126894	Nguyễn Văn Minh Anh	4/1	77	84,21	81,32
2	Tiểu học Phú Thượng 1	Tiểu Học	67	1371	106314	Nguyễn Phan Mộc Trà	1/1	88	73,94	79,57
3	Tiểu học Bình An	Tiểu Học	120	1387	100284	Huỳnh Trần Nhã Phương	3/3	54	70,7	64,02
4	Tiểu học Lê Lợi	Tiểu Học	61	960	80297	Cao Tú Anh	1/6	151	86,96	112,58
5	Tiểu học Xuân Phú	Tiểu Học	51	735	57682	Trần Ngọc Vân Nhi	4/4	84	70,67	76
6	Tiểu học Phước Vĩnh	Tiểu Học	37	737	56907	Cao Ngọc Minh Khang	3/5	84	86,48	85,49
7	Tiểu học Số 1 Thủy Phù	Tiểu Học	54	734	54528	Nguyễn Minh Hoàng	5/1	50	75,36	65,22
8	Tiểu học Thuận Thành	Tiểu Học	40	534	42734	Trần Quốc Dương	2/2	69	74,52	72,31
9	Tiểu học Thuận Hòa	Tiểu Học	39	489	38780	Nguyễn Tất Anh Nguyên	54	65	83,05	75,83
10	Tiểu học Phú Hồ	Tiểu Học	31	491	36921	LÊ NGỌC GIA HÂN	2/2	74	74,7	74,42
11	TH-THCS Lâm Mộng Quang (Cấp TH)	Tiểu Học	32	475	36609	Trần ngọc bích Trâm	5/2	58	80,38	71,43
12	Tiểu học Thuận Lộc	Tiểu Học	42	467	36135	Trần Gia Khánh	5/4	35	83,11	63,87
13	Tiểu học Vĩnh Ninh	Tiểu Học	28	390	32702	Nguyễn Trần Nguyệt minh	3/7	76	89,07	83,84
14	Tiểu học số 1 Thuận An	Tiểu Học	35	393	30707	Võ cao vũ	2/3	40	84,43	66,66
15	Tiểu học Trần Quốc Toàn - Phong Điền	Tiểu Học	24	321	28874	Đỗ Lê Nhã Uyên	1/1	88	68,97	76,58
16	Tiểu học Vinh An	Tiểu Học	21	355	27811	Nguyễn Hoàng Phước Thịnh	4/1	53	75,11	66,27
17	Tiểu học Phường Đúc	Tiểu Học	24	328	26817	Hà Phan Bình Minh	2/5	86	85,95	85,97
18	Tiểu học Dương Nỗ	Tiểu Học	33	358	26307	TRƯƠNG VÕ MINH HOÀ	1/2	53	73,6	65,36
19	Tiểu học Phú Đa 1	Tiểu Học	25	329	25546	Dương Hải Minh	3/1	44	84,18	68,11
20	Tiểu học Hương Long	Tiểu Học	22	332	25098	VÕ LÊ UYÊN NHI	4/3	53	77,49	67,69
21	Tiểu học Quang Trung	Tiểu Học	23	303	24817	Huỳnh Phúc Hưng	1/1	56	81,7	71,42
22	Tiểu học Thủy Dương	Tiểu Học	26	291	24666	Nguyễn Thanh Gia An	2/1	24	92,96	65,38
23	Tiểu học Trần Quốc Toàn - TP Huế	Tiểu Học	30	304	24016	Đỗ Nguyễn Thảo Tiên	1/2	31	85,68	63,81
24	Tiểu học An Nông 1	Tiểu Học	20	301	22835	Nguyễn Đức Thiện Nhân	4	80	75,29	77,17

25	Tiểu học Điền Lộ	Tiểu Học	17	258	21977	Lê Ngọc An Nguyên	5	54	72,7	65,22
26	Tiểu học Phú Mỹ 1	Tiểu Học	24	281	21856	Hoàng Yến Linh	2/3	64	79,95	73,57
27	Tiểu học Đông Hiền	Tiểu Học	15	265	20636	Lê Thị Thanh Tâm	4/2	61	79,3	71,98
28	Tiểu học Vỹ Dạ	Tiểu Học	21	250	20197	Nguyễn Đức Diệu Minh	4.1	38	89,63	68,98
29	Tiểu học Phú Mậu	Tiểu Học	12	246	19792	Trần Hiếu Tuệ Nhi	2	61	85,72	75,83
30	Tiểu học Số 1 Quảng Lợi	Tiểu Học	13	254	19396	Đặng Đăng Khôi	5	63	73,94	69,56
1	THCS Lộc Tiến	THCS	67	2278	174921	HOA KIM DOANH	6/4	185	86,74	126,04
2	THCS Phong An	THCS	56	753	56687	Hồ Đức Khoa	8/1	48	81,46	68,07
3	THCS Lăng Cô	THCS	124	647	47120	Nguyễn Thái Uy Vũ	7/2	22	88,18	61,71
4	THCS Nguyễn Khoa Đăng	THCS	22	444	34549	Hoàng Nhật Nam	7/1	91	87,13	88,68
5	THCS DTNT A Lưới	THCS	47	431	32314	Hồ An Py	7/1	46	77,17	64,7
6	THCS Trần Hưng Đạo	THCS	28	409	30603	Phạm Bảo Nam	8/2	67	85,12	77,87
7	THCS Thống Nhất	THCS	41	385	30502	Nguyễn Hoàng Thuỳ Nhiên	8/4	35	90,49	68,29
8	THCS Nguyễn Duy	THCS	51	335	26396	Nguyễn Như Minh Anh	8/1	46	87,24	70,74
9	THCS Nguyễn Đình Anh	THCS	30	335	24130	Phạm Linh Nhi	8/2	57	71,96	65,98
10	THCS Nguyễn Chí Diểu	THCS	26	296	24028	Hoàng Minh Châu	7/10	55	88,22	74,93
11	THCS Hùng Vương	THCS	24	276	22784	Đình Nguyễn Nhật Hoàng	6/1	30	92,3	67,38
12	THCS Duy Tân	THCS	19	263	19957	Dương Thị Nhã Uyên	7/2	59	72,42	67,05
13	THCS Lê Thuyết	THCS	23	180	13290	Đào Ngọc An Nhiên	6/2	21	84,24	58,94
14	THCS Trần Cao Vân	THCS	16	131	10592	Trần Vũ Khánh Nguyên	6/8	25	84,44	60,66
15	THCS Phong Xuân	THCS	1	116	8717	Lê Trần Anh Thư	6/2	116	75,15	91,49
16	THCS Phú Thượng - TP Huế	THCS	9	106	8674	Lại Thị Phương Thanh	8/2	29	91,14	66,28
17	THCS Lộc Thủy	THCS	10	109	8298	Phan Thị Thanh Hằng	6/1	21	79,24	55,94
18	TH-THCS Điền Hoà (Cấp THCS)	THCS	11	99	7799	Thân Minh Ngọc	8/1	22	87,14	61,08
19	THCS Đặng Văn Ngữ	THCS	17	85	6532	Lê Ngọc Linh	6/1	1	90	54,4
20	THCS Trần Phú	THCS	10	79	6277	Dương Bảo Anh	8/1	18	85,33	58,4

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH QUẢNG NGÃI VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	TH-THCS Lê Quý Đôn - Sa Thầy (Cấp TH)	Tiểu Học	3	78	7944	Nguyễn Ngọc Cát Tường	3A	69	89,42	81,25
1	TH-THCS Lê Quý Đôn - Sa Thầy (Cấp THCS)	THCS	12	60	5659	Đào Quỳnh Anh	8A	15	90,27	60,16
2	THCS Ba Động	THCS	1	47	4464	Võ Như Nguyệt	8B	47	82,6	68,36

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH KHÁNH HÒA VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Vĩnh Hải 2	Tiểu Học	197	4721	374899	Trần Phương Uyên	1/1	162	82,9	114,54
2	Tiểu học Cam Lộc 1	Tiểu Học	185	3619	284002	Không Ngô Châu Anh	3/2	97	89	92,2
3	Tiểu học Phước Tiến	Tiểu Học	130	2857	238398	Nguyễn Thiện Khánh Nam	5/6	222	92,59	144,35
4	Tiểu học Hòa Thủy	Tiểu Học	38	3139	236102	Lê Phúc Điền	2A	304	71,43	164,46
5	Tiểu học Tân Lập 2	Tiểu Học	94	2271	189450	Vũ Duy Minh	3	130	85,27	103,16
6	Tiểu học Vĩnh Hải 1	Tiểu Học	123	2252	178699	Lê Trần Như Bảo	5/2	223	83,11	139,06
7	Tiểu học Lộc Thọ	Tiểu Học	127	2067	174262	Lê Anh	3/4	84	87,36	86,01
8	Tiểu học Vạn Hưng	Tiểu Học	164	2305	168859	Võ Nguyên Tiến Đạt	4E	138	82,88	104,93
9	Tiểu học Phước Long 2	Tiểu Học	76	1975	158815	Nguyễn Hoàng Linh Đan	3/5	228	74,34	135,8
10	Tiểu học Vĩnh Hoà 1	Tiểu Học	91	1863	149824	Nguyễn Quỳnh Chi	2A1	137	64,77	93,66
11	Tiểu học Vạn Phú	Tiểu Học	139	1958	146142	Đặng Kiều Oanh	4/1	73	81,01	77,81
12	Tiểu học Ninh Phụng	Tiểu Học	79	1590	122546	Nguyễn Phương Trinh	5/4	135	83,7	104,22
13	Tiểu học Hậu Sanh	Tiểu Học	54	1669	119191	Đàng Ngọc Khả Doanh	5A	156	63,28	100,37
14	Tiểu học Ninh Hà	Tiểu Học	64	1570	116064	Nguyễn Hoàng Nhã Uyên	5/2	80	72,44	75,46
15	Tiểu học Căn Cứ Cam Ranh	Tiểu Học	65	1435	115426	Đỗ Đăng Khoa	5-2	191	80,59	124,75
16	Tiểu học Thuận Hòa- Hiệp Hòa	Tiểu Học	59	1375	105867	Đặng Ngọc Bảo Nghi	4A	70	87,34	80,41
17	TH-THCS Xuân Sơn (Cấp TH)	Tiểu Học	53	1387	101893	Lê Ngọc Tâm Đan	1A	181	82,23	121,74
18	Tiểu học Ninh Lộc	Tiểu Học	67	1260	95330	Nguyễn Ngọc Tú Uyên	3D	247	74,68	143,61
19	TH-THCS Diên Đồng (Cấp TH)	Tiểu Học	72	1256	93456	Võ Đình Khánh linh	3	80	82,41	81,45
20	Tiểu học Ba Ngòi	Tiểu Học	60	1189	90652	Lữ Nguyễn Tường Vy	4/3	162	72,99	108,6
21	Tiểu học Công Hải	Tiểu Học	54	1143	82737	Trần Gia Vĩ	3A	125	77,52	96,51
22	TH-THCS Vạn Thạnh (Cấp TH)	Tiểu Học	46	1115	82005	Phạm Ngô Như Ý	1A	109	72,17	86,9
23	Tiểu học Vĩnh Phước 1	Tiểu Học	52	1048	79243	Phan Võ Hoàng Duy	2/1	108	75,25	88,35
24	Tiểu học Cam Đức 2	Tiểu Học	41	933	75975	Lê Như Quỳnh	5E	89	91,34	90,4
25	Tiểu học Cam Linh	Tiểu Học	57	961	75933	Nguyễn Võ Gia Hân	5/4	69	82,87	77,32
26	Tiểu học Ninh Giang	Tiểu Học	39	932	73104	Trần Tâm Nhi	2A	97	80,19	86,91

27	Tiểu học Dư Khánh	Tiểu Học	47	885	67794	Nguyễn Đức Huy	4A	55	82,73	71,64
28	Tiểu học Cam Lộc 2	Tiểu Học	63	843	67405	Nguyễn Hoàng Thảo Nguyễn	5/2	91	92,92	92,15
29	Tiểu học Diên Phước	Tiểu Học	49	844	65875	Huỳnh Thiện Duy Khang	4A	63	92,03	80,42
30	Tiểu học Ninh Hải	Tiểu Học	34	773	62843	Nguyễn Quỳnh Phương Ngh	3c	185	87,38	126,43
1	THCS Mai Xuân Thuồng	THCS	1061	19098	1490087	Lưu Gia Khánh	7/4	223	81,91	138,34
2	THCS Trần Quang Khải - Diên Khánh	THCS	51	2022	167891	Bùi Minh Bảo Châu	8/1	209	88,83	136,9
3	THCS Lý Thường Kiệt	THCS	130	1557	113699	Nguyễn Trần Đăng Quang	7/2	96	75,99	83,99
4	THCS Lê Hồng Phong - Cam Ranh	THCS	113	1381	109987	Trần Bình Minh	8/1	80	89,48	85,69
5	THCS Trần Phú - Vạn Thắng	THCS	84	1188	90975	TRẦN ĐÌNH HIẾU	6/3	71	83,46	78,48
6	THCS Trần Hưng Đạo - Mỹ Sơn	THCS	94	936	67585	Nguyễn Lê Bảo Duyên	8/1	78	72,14	74,48
7	THCS Ngô Quyền - Diên Khánh	THCS	62	814	63931	Lê Ngọc Thiện	8.3	58	89,66	76,99
8	THCS Nguyễn Tất Thành	THCS	57	737	54960	Lê Trần Uyên Vy	8/1	91	85,68	87,81
9	THCS Âu Cơ	THCS	63	648	52919	TRẦN NGỌC BẢO TRẦN	6/5	96	91,59	93,36
10	TH-THCS Nguyễn Bình Khiêm - Vạn Thắng (Cấp THCS)	THCS	79	691	50790	Lê Vũ Ngọc Trân	6/1	57	79,63	70,58
11	THCS Trịnh Phong	THCS	16	559	42838	Nguyễn thị trúc như	6/2	186	72,71	118,03
12	THCS Mê Linh	THCS	46	452	32625	Lê Ngọc Ánh	8.5	45	76,22	63,73
13	THCS Võ Thị Sáu - Nha Trang	THCS	33	398	32363	Nguyễn Cao Bảo Trâm	6/6	46	86,83	70,5
14	THCS Nguyễn Trọng Kỳ	THCS	40	399	31586	Bùi Cao Mỹ Hiền	6/3	75	80,8	78,48
15	THCS Nguyễn Văn Cừ	THCS	29	408	30279	trần lê tân tài	6/1	59	70,61	65,97
16	THCS Hùng Vương - Cam Lâm	THCS	35	326	26683	Nguyễn Phạm Tuấn Phong	6/7	72	88,93	82,16
17	TH-THCS Xuân Sơn (Cấp THCS)	THCS	17	333	25205	Phan Trần Thuỳ Vân	7A	87	84,93	85,76
18	THCS Chu Văn An - Ninh Hòa	THCS	35	283	22929	Nguyễn Thiên Bảo	8/2	64	86,27	77,36
19	THCS Lương Thế Vinh - Vạn Ninh	THCS	15	285	21445	Bùi Anh Quân	6B	72	81,08	77,45
20	THCS Phạm Ngũ Lão - Ninh Hòa	THCS	25	264	20979	Lê Quốc Hòa	6	28	82,89	60,94

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH BẮC NINH VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Tân Mỹ	Tiểu Học	329	6303	562644	hoàng gia phúc	4a7	109	91,15	98,29
2	Tiểu học Tân Chi	Tiểu Học	156	4682	421945	Nguyễn Minh Lâm	4A1	184	90,58	127,95
3	TH-THCS Hoàng Hoa Thám (Cấp TH)	Tiểu Học	141	4104	396190	Lưu Bảo Vy	5a3	436	91,88	229,53
4	Tiểu học Ngọc Thiện 1	Tiểu Học	206	4519	384935	Vũ Hải Minh	5E	72	89,64	82,58
5	Tiểu học Đông Phong	Tiểu Học	136	3942	356007	Nguyễn Tú Linh	5A4	309	87,52	176,11
6	Tiểu học Chũ số 1	Tiểu Học	141	3759	348345	Nguyễn Đăng Xuân Bách	2A1	260	86,87	156,12
7	Tiểu học Đình Bảng 2	Tiểu Học	107	3082	281262	Nguyễn Linh Đan	2A2	90	84,06	86,43
8	Tiểu học Tân An	Tiểu Học	157	2843	258255	Trần Quốc Bảo	3A	112	80,35	93,01
9	TH-THCS Trần Quốc Toàn (Cấp TH)	Tiểu Học	152	2756	257475	Nguyễn Hải Anh	2A5	93	85,53	88,52
10	Tiểu học Bồ Hạ	Tiểu Học	105	2801	253312	Nguyễn Mạnh Hùng	3A3	164	84,18	116,11
11	Tiểu học TT Thắng	Tiểu Học	115	2403	226652	nguyễn bình an	2A	186	83,13	124,28
12	Tiểu học Đào Viên	Tiểu Học	84	2221	218992	Nguyễn Quốc Tuấn	2A5	954	92,58	437,15
13	TH-THCS Bình Dương (Cấp TH)	Tiểu Học	45	2086	201455	Vũ Quang Anh	3A	968	92	442,4
14	Tiểu học Cao Thượng	Tiểu Học	116	2062	180409	hoàng Vương Hiếu	5E	185	84,58	124,75
15	Tiểu học Nguyệt Đức	Tiểu Học	57	1830	164798	Nguyễn Thảo My	5A	360	89,99	198
16	Tiểu học Hương Mạc 2	Tiểu Học	79	1661	149564	ĐÀM THUẬN ĐÔNG	5c	126	75,42	95,65
17	Tiểu học Phố Mới	Tiểu Học	75	1588	148991	Nguyễn Ngọc Gia Khánh	3A1	93	84,14	87,68
18	Tiểu học Phú Nhuận	Tiểu Học	101	1760	148709	Trương Nguyên Giáp	4D	256	76,29	148,17
19	Tiểu học Ninh Xá - P.Kinh Bắc	Tiểu Học	58	1546	147125	Đào Sĩ Minh Hiếu	4A6	101	89,62	94,17
20	Tiểu học Tam Đa số 2	Tiểu Học	54	1613	143653	Trần Ngọc Bích	5A	246	80,42	146,65
21	Tiểu học Bình Sơn	Tiểu Học	118	1695	142506	Nguyễn Thị Thảo Nhi	3A4	74	79,61	77,36
22	Tiểu học Văn Môn	Tiểu Học	102	1588	138289	tạ quang vinh	1A	84	75,68	79,01
23	Tiểu học Phú Hoà	Tiểu Học	57	1385	127962	Nguyễn Tiến Đạt	3B	117	83,56	96,93
24	Tiểu học Yên Định	Tiểu Học	74	1474	125711	Đông Thuận Sơn	5a2	79	81,33	80,4
25	Tiểu học An Tập	Tiểu Học	49	1382	121790	Nguyễn Bá Trung Kiên	5A	267	70,02	148,81

26	Tiểu học Bắc Lý số 2	Tiểu Học	47	1324	119042	Nghiêm Lê Thanah Trà	3A	145	82,72	107,63
27	Tiểu học Đông Thành	Tiểu Học	79	1259	118796	Nguyễn Thế Minh	1A4	153	89,59	114,96
28	Tiểu học Yên Trung số 1	Tiểu Học	19	1272	118371	Nguyễn Thị Bảo Quyên	5A1	137	83,26	104,75
29	Tiểu học Tân Sỏi	Tiểu Học	61	1309	113326	Khương Minh Ánh	5b	122	71,79	91,87
30	Tiểu học Dũng Liệt	Tiểu Học	34	1163	103947	Nguyễn Hữu Khôi	3A4	99	74,96	84,58
1	THCS Đại Đồng	THCS	121	5361	500954	Nguyễn Mậu Vũ Phong	7A4	699	86,95	331,77
2	TH-THCS Kim Chân (Cấp THCS)	THCS	187	2205	184179	Nguyễn Hà Phương	8B	78	72,29	74,58
3	TH-THCS Hoàng Hoa Thám (Cấp THCS)	THCS	117	1828	162973	Dư Minh Quang	7a1	60	87,75	76,65
4	THCS Nham Biền số 2	THCS	181	875	75285	Nguyễn Văn Anh	8A1	45	82,02	67,21
5	TH-THCS Trần Quốc Toàn (Cấp THCS)	THCS	32	685	71040	Mai Trúc Lâm	7a6	191	96,12	134,07
6	THCS Hoàng Hoa Thám - X.Yên Thế	THCS	28	459	43947	Trần Đức Đại An	6A1	96	93,19	94,31
7	THCS Tiên Lục số 3	THCS	15	484	43799	Dương Thị Ngọc Vân	7A4	179	73,94	115,97
8	THCS Tân Mỹ	THCS	20	331	29307	Hoàng Ngọc Diệp	6A1	66	87,76	79,05
9	THCS Bích Sơn	THCS	30	294	25582	Ngụy Thanh Trúc	6A2	33	74,64	57,98
10	THCS Vôi số 1	THCS	18	152	13188	Nguyễn Phương Duyên	6A3	1	99	59,8
11	THCS Mão Điền	THCS	12	142	12635	Nguyễn Bá Minh	8A2	56	73,41	66,45
12	THCS Giáp Sơn	THCS	7	132	11019	Giáp Thu Thủy	3A1	51	72,39	63,84
13	THCS Châu Minh	THCS	10	122	10595	Lê Tú Linh	3i	11	95,45	61,67
14	THCS Long Sơn	THCS	9	100	8916	Ngọc Thanh Phong	7A	15	86,07	57,64
15	THCS Suối Hoa	THCS	2	82	8846	bùi thu ngân	8A6	74	93,58	85,75
16	THCS Đông Hưng	THCS	16	113	8648	Nguyễn Thanh Thảo	6A1	33	70,06	55,24
17	THCS An Châu	THCS	2	73	6241	Trần Thảo Uyên	7a1	59	73,49	67,69
18	THCS Nam Dương số 2	THCS	8	72	5835	thân phương thảo	6C	14	76,79	51,67
19	THCS Hồng Kỳ	THCS	6	68	5757	Đinh Thị Thanh Tuyền	8A	29	76,86	57,72
20	TH-THCS Phúc Sơn I (Cấp THCS)	THCS	4	60	5045	Nguyễn Bảo Ngân	5A1	33	74,33	57,8

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH TUYỂN QUANG VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Thiện Kế	Tiểu Học	170	4592	395239	Nguyễn Hương Trà	3A	156	74,54	107,12
2	Tiểu học Kim Đồng - X.Quang Bình	Tiểu Học	61	3676	325159	Hoàng Gia Bảo	5A1	180	91,36	126,81
3	Tiểu học An Tường	Tiểu Học	110	2286	199681	Nguyễn Đình Trường An	3E	115	70,92	88,55
4	Tiểu học Lê Văn Tám	Tiểu Học	128	1933	181445	Nguyễn Ngọc Quỳnh Chi	1A2	89	83,96	85,97
5	Tiểu học Thái Bình	Tiểu Học	71	1708	149870	Thùy Trang	4B	98	84,93	90,16
6	Tiểu học Nguyễn Tất Thành	Tiểu Học	60	1438	128309	Nguyễn Văn Nam	5A1	72	89,86	82,72
7	Tiểu học Cốc Pài	Tiểu Học	20	1287	125465	Nguyễn Đức Nam	5a2	365	87,98	198,79
8	Tiểu học A Tùng Bá	Tiểu Học	72	1497	123716	Trương Gia Huy	3A	73	75,58	74,55
9	Tiểu học Vĩnh Tuy	Tiểu Học	37	1382	120146	Ngô Minh Khang	3A	88	83,44	85,27
10	TH-THCS Trung Trực (Cấp TH)	Tiểu Học	71	1364	110691	Đỗ Thị Ngọc Hân	3A1	79	70,51	73,9
11	Tiểu học Tràng Đà	Tiểu Học	55	1225	108390	Ninh Anh Vũ	3A	106	80,86	90,92
12	Tiểu học Trung Môn	Tiểu Học	82	1140	104215	Đình Hương Giang	5b	69	85,54	78,92
13	PTDTBT TH Minh Tân	Tiểu Học	64	1259	101620	Nông Thuý Dung	5c	93	72,33	80,6
14	Tiểu học Lăng Can	Tiểu Học	35	1183	101381	Phạm Quang Khải	3B	117	76,02	92,41
15	Tiểu học Đoàn Kết	Tiểu Học	38	1048	86049	Phí Ngọc Quỳnh	5A	127	72,8	94,48
16	Tiểu học Thái Sơn	Tiểu Học	82	942	81246	Nguyễn Khánh Ngọc	5b	46	90,67	72,8
17	PTDTBT TH-THCS Đa Vị (Cấp TH)	Tiểu Học	33	954	80188	Hứa Thị Thanh Bình	5D	86	85,44	85,67
18	Tiểu học Hùng An	Tiểu Học	38	928	78305	nguyễn văn tuấn kiệt	2a3	85	74,55	78,73
19	Tiểu học Bình Yên	Tiểu Học	39	905	75453	Nguyễn trà my	3B	77	77,01	77,01
20	Tiểu học Đạo Đức	Tiểu Học	16	839	74514	Nguyễn Ngọc Trà	4a2	134	82,98	103,39
21	Tiểu học Phan Thiết	Tiểu Học	40	803	73947	Lê Hoàng Ngân	3c4	68	94,6	83,96
22	PTDTBT TH-THCS Đạo Viện (Cấp TH)	Tiểu Học	54	828	70082	hadiemmy	3A	66	73,52	70,51
23	Tiểu học Bình Xa	Tiểu Học	31	732	64461	Vũ Bảo Ngọc	3D	154	72,43	105,06
24	Tiểu học Yên Bình	Tiểu Học	14	766	63755	Phạm Yên Nhi	5A1	192	72,53	120,32

25	TH-THCS Hồng Thái (Cấp TH)	Tiểu Học	33	678	63721	Phạm Nhật Huy	3B	55	86,05	73,63
26	PTDTBT TH Tùng Vài	Tiểu Học	27	689	59909	Nong Manh Duong	5A	100	78,32	86,99
27	PTDTBT TH Phúc Sơn	Tiểu Học	60	697	59447	Nguyễn Hứa Sơn Tùng	4B	68	76,41	73,05
28	Tiểu học Ninh Lai	Tiểu Học	32	654	56617	Đỗ Bảo Hân	3A6	66	70,62	68,77
29	Tiểu Học Phù Loan	Tiểu Học	24	636	55613	Nguyễn Khánh Huyền	4B	136	72,7	98,02
30	PTDTBT TH Hùng Mỹ	Tiểu Học	35	613	51844	Nông Việt Hoàng	4A	79	70,9	74,14
1	THCS TT Na Hang	THCS	115	2547	230132	Nguyễn Quý Bách	6C	195	96,14	135,68
2	THCS Lê Quý Đôn - P.Hà Giang 1	THCS	106	1874	169282	Phạm Thuý Linh	8A3	61	93,49	80,5
3	THCS Lục Hành	THCS	122	1948	160556	Lê Phúc Nguyên Chương	8A	155	75,89	107,53
4	THCS Mỹ Bằng	THCS	67	1806	154306	Kiều Bảo Hân	6A1	130	68,43	93,06
5	PTDTBT THCS Tri Phú	THCS	22	1606	145228	Hà Nguyễn Bảo Yên	6A	378	80,88	199,73
6	THCS Lăng Can	THCS	44	1596	138455	Châu Ngọc Diệp	7A	235	83,92	144,35
7	PTDTBT THCS Kiên Đài	THCS	17	1325	111503	Hà Quỳnh Phương	8B	256	78,52	149,51
8	THCS Ngọc Linh	THCS	42	1302	107607	phạm thảo vy	6A2	134	72,22	96,93
9	THCS Nhữ Hán	THCS	69	1195	101322	Nguyễn Bảo Trâm	6A	127	81,57	99,74
10	THCS Vinh Quang - X.Kim Bình	THCS	94	1085	94789	Vũ Trà My	8B	117	80,5	95,1
11	THCS Bạch Xá	THCS	40	1091	92385	Nguyễn Ngọc Ngân Hà	7a1	229	73,26	135,55
12	THCS Lương Thế Vinh	THCS	58	945	90014	Đinh Tuấn Kiệt	7A	78	87,19	83,52
13	PTDTBT THCS Yên Lập	THCS	69	1038	88496	Hà Thuý Dung	7C	190	79,21	123,52
14	THCS Xuân Vân	THCS	76	794	63881	Hoàng Linh Nhi	7A	98	70,95	81,77
15	PTDTNT THCS Yên Sơn	THCS	67	673	56811	Đỗ Ngọc Châu	8A	121	81,99	97,6
16	THCS Chu Văn An - X.Quang Bình	THCS	38	615	56510	Hoàng Nhật Minh	8A1	95	86,29	89,78
17	THCS Nguyễn Trãi	THCS	35	622	54159	Linh Thế Vinh	6A3	129	68,4	92,64
18	THCS Đồng Quý	THCS	33	621	50534	Đoàn Bảo Trân	8A	57	91,88	77,93
19	PTDTBT THCS Phúc Sơn	THCS	57	583	48996	Đỗ Gia Hân	8C	54	76,3	67,38
20	THCS Vinh Lộc	THCS	32	528	48866	Nguyễn Phú Trọng	6C	162	84,17	115,3

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH THÁI NGUYÊN VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu Học Đội Cấn 1	Tiểu Học	659	17651	1621164	Nguyễn Hoàng Bảo Hân	2A	342	94,31	193,39
2	Tiểu học Số 1 Hoá Thượng	Tiểu Học	297	6428	566845	Ngô Ngọc An Nhiên	3B	109	74,47	88,28
3	Tiểu học Số 1 Nam Hòa	Tiểu Học	171	5839	509068	Ngô Bảo Dương	4C	127	79,57	98,54
4	Tiểu học Trung Thành 1	Tiểu Học	171	4254	379767	Phạm Gia Hưng	5D	142	95,77	114,26
5	Tiểu học Trung Thành 2	Tiểu Học	113	3485	299599	Trịnh Khương Duy	5A	218	72,15	130,49
6	TH-THCS Tân Quang (Cấp TH)	Tiểu Học	104	2876	257281	Hoàng Anh Tuấn	5A	249	93,24	155,54
7	Tiểu học Tân Thành 2	Tiểu Học	128	2352	211293	Hoàng Minh Khánh	4B	84	79,82	81,49
8	Tiểu học Sông Cầu - P.Bắc Kạn	Tiểu Học	90	2198	201153	Hà Nhân Nhật Linh	4A	157	80,92	111,35
9	Tiểu Học Nguyễn Huệ	Tiểu Học	109	1599	149955	Phạm Quang Minh	4G	97	84,94	89,76
10	Tiểu học Xuân Phương	Tiểu Học	78	1583	140517	Hoàng Thị Việt Bình	4D	207	88,68	136,01
11	TH-THCS Xuân Dương (Cấp TH)	Tiểu Học	21	1421	126712	Hoàng Thảo Ly	5A	274	79,41	157,25
12	Tiểu học Phấn Mễ 2	Tiểu Học	66	1472	123778	Phạm Hà Linh	2B	115	83,93	96,36
13	Tiểu học Phố Cò	Tiểu Học	85	1334	116264	Vũ Công Khôi	4B	85	75,34	79,2
14	Tiểu học Tân Lợi	Tiểu Học	75	1373	113882	Vu Phuong Anh	3c	57	84,05	73,23
15	Tiểu học Túc Duyên	Tiểu Học	60	1243	111514	Bùi Anh Dũng	2B	182	76,76	118,85
16	Tiểu học Gia Sàng	Tiểu Học	106	1215	110038	Bùi Đức Duy	4B	48	85,52	70,51
17	Tiểu học Tân Cương	Tiểu Học	75	1185	101141	Lê Anh Thư	2A	87	71,85	77,91
18	Tiểu học Vô Tranh	Tiểu Học	63	1161	100774	Phạm Ngọc Dương	2B	85	73,99	78,39
19	Tiểu học Tân Lập - P.Tích Lương	Tiểu Học	36	1069	98155	Phạm Phương Mai	2E	95	87,56	90,53
20	Tiểu học Lương Sơn	Tiểu Học	59	1063	95794	Nguyễn Khánh Linh	3c	74	80,65	77,99
21	PTDTBT TH Văn Vũ	Tiểu Học	28	1051	87863	Triệu Ngọc Ánh	4B	131	69,56	94,13
22	Tiểu học Trung Hội	Tiểu Học	50	994	87007	Lương Chí Nghĩa	3A	108	85,75	94,65
23	TH-THCS Đồng Lạc (Cấp TH)	Tiểu Học	37	1030	86639	Nông Diễm Quỳnh	5	107	68,84	84,1
24	Tiểu học Bình Sơn 1	Tiểu Học	49	934	82307	Trương Phương Nhi	2A	83	77,8	79,88
25	TH-THCS Bình Yên (Cấp TH)	Tiểu Học	40	875	79755	Nguyễn Ngọc Diệp	3B	63	89,38	78,83
26	Tiểu học Cổ Lũng	Tiểu Học	24	900	79690	lê bảo châu	5E	351	78,55	187,53

27	Tiểu học Đội Cán 2	Tiểu Học	53	847	79176	Phạm Gia Huy	5A	61	93,97	80,78
28	Tiểu học Ký Phú	Tiểu Học	50	873	77289	Lê Đỗ Trâm Anh	1B	76	85,3	81,58
29	Tiểu học Cải Đan	Tiểu Học	47	759	71847	Nguyễn Bảo Anh	3E	75	90,44	84,26
30	Tiểu học Kim Phụng	Tiểu Học	19	847	69444	Nguyễn Thị Thu Quyên	3D	111	69,86	86,31
1	PTDTBT TH-THCS Kim Hỷ (Cấp THCS)	THCS	7	226	20094	Nông Ngọc Bảo An	8	68	82,94	76,96
2	TH-THCS Đồng Lạc (Cấp THCS)	THCS	11	199	16394	luân thu hiền	7B	70	65,87	67,52
3	TH-THCS Sĩ Bình (Cấp THCS)	THCS	2	113	10761	Nông Thị Anh Thư	7	74	90,99	84,19
4	TH-THCS Thanh Mai (Cấp THCS)	THCS	5	76	6439	Hà Thị Thảo Nhi	6B	46	70,22	60,53
5	TH-THCS 915 Gia Sàng (Cấp THCS)	THCS	6	44	3934	Ngo Quang Minh	6A2	1	97	58,6
6	THCS Yên Lãng	THCS	4	42	3562	Đoàn Linh San	6A4	2	93,5	56,9
7	TH-THCS Vạn Thọ (Cấp THCS)	THCS	4	39	3426	344299327	8A	16	80,75	54,85
8	PTDTBT TH-THCS Cốc Đán (Cấp THCS)	THCS	8	35	2865	Bàn Thị Phương Linh	8B	3	84,67	52
9	TH-THCS Bình Yên (Cấp THCS)	THCS	1	31	2640	Nguyễn Đình Minh Đức	1A	31	74,06	56,84
10	TH-THCS Kim Lư (Cấp THCS)	THCS	2	10	770	phúc trương	8	1	82	49,6
11	TH-THCS Đồng Thắng (Cấp THCS)	THCS	1	5	508	Triệu Thị Thơ	6A	5	88,4	55,04
12	PTDTBT THCS Văn Lãng	THCS	1	3	276	Linh Ngọc Bảo Trâm	7A	3	80	49,2

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH QUẢNG NINH VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Trần Quốc Toàn - Hạ Long	Tiểu Học	135	2757	263297	Phan Ngọc Mai	4A6	161	79,16	111,89
2	Tiểu học Hà Lâm	Tiểu Học	127	2615	239921	Phạm Duy Bảo	2A1	130	85,55	103,33
3	Tiểu học Bãi Cháy	Tiểu Học	90	1858	174739	Nguyễn Nhật Cường	4A6	73	90,15	83,29
4	Tiểu học Phong Cốc 1	Tiểu Học	57	1682	148658	BÙI MINH HÙNG	2A4	218	75,55	132,53
5	TH-THCS Hà Tu (Cấp TH)	Tiểu Học	90	1425	129582	Trần Bảo Hân	4B	97	88,62	91,97
6	Tiểu học Quang Trung - P.Hạ Long	Tiểu Học	64	1306	127098	Đào Tú Anh	4A6	123	85,7	100,62
7	Tiểu học Hồng Gai	Tiểu Học	81	1322	123543	ĐÀM YẾN NHI	3A7	91	84	86,8
8	Tiểu học Phương Đông	Tiểu Học	73	1344	120151	Nguyễn Hải Hoàng Dung	4a4	61	87,93	77,16
9	Tiểu học Mạo Khê 2	Tiểu Học	90	1217	107979	Trần Trịnh Minh Phúc	3C3	91	88,12	89,27
10	Tiểu học Hà An 1	Tiểu Học	34	1275	105512	Nguyễn Thị Ngọc Lan	5D	136	71,48	97,29
11	Tiểu học Phong Cốc 2	Tiểu Học	53	1136	101383	Vũ Bình An	2B	136	78,66	101,6
12	TH-THCS-THPT Nguyễn Bình Khiêm (Cấp TH)	Tiểu Học	39	870	81443	VŨ HẢI ĐĂNG	3A7	77	81,79	79,88
13	Tiểu học Lý Thường Kiệt	Tiểu Học	48	821	76465	Nguyễn Ngọc Khánh Chi	2A5	57	81,18	71,51
14	Tiểu học Liên Hoà	Tiểu Học	43	775	70044	Vũ Thị Quỳnh Hoa	4A1	113	80,88	93,73
15	TH-THCS-THPT Văn Lang (Cấp TH)	Tiểu Học	36	692	65188	Nguyễn Bùi Bảo Long	1D	67	87,19	79,12
16	Tiểu học Nguyễn Trãi - Cẩm Phả	Tiểu Học	51	670	61807	Phạm Phương Thảo	5A8	62	84,82	75,69
17	Tiểu học Mạo Khê	Tiểu Học	27	525	49915	Trần Duy Anh	2B2	65	93,37	82,02
18	Tiểu học Hoàng Quế	Tiểu Học	26	511	46864	Đình Nguyễn Nhật Minh	4D	97	92,49	94,3
19	Tiểu học Mạo Khê 1	Tiểu Học	49	523	44883	Nguyễn Thị Kiều Linh	5	79	78,16	78,5
20	TH-THCS Hiệp Hoà (Cấp TH)	Tiểu Học	24	443	38591	Nguyễn Hải Phong	3B	70	77,09	74,25
21	Tiểu học Nguyễn Văn Thuần	Tiểu Học	29	427	38417	Vũ Thị Hà Phương	3a2	86	81,49	83,29
22	TH-THCS Tuần Châu (Cấp TH)	Tiểu Học	29	429	37602	Thùy Dương	3A5	86	82,35	83,81
23	Tiểu học Ka Long	Tiểu Học	30	405	37365	Lê Nhật Nam	2A6	62	82,44	74,26
24	Tiểu học Cao Thắng	Tiểu Học	25	396	35375	906162882	3A6	51	88,04	73,22

25	TH-THCS Tiên An (Cấp TH)	Tiểu Học	25	403	34006	Phạm Ngọc Anh	4D	65	67,68	66,61
26	Tiểu học Nguyễn Bình	Tiểu Học	19	386	33879	Phạm Hải Yến	3D	53	81,87	70,32
27	Tiểu học Trới	Tiểu Học	35	343	32554	Phạm Hà Linh	3A6	41	90,78	70,87
28	Tiểu học Phan Bội Châu	Tiểu Học	17	354	32108	Bùi Hoàng Bách	1a1	125	75,44	95,26
29	Tiểu học Thanh Sơn	Tiểu Học	21	344	31263	Hoàng Phương Nhi	4A2.1	65	79,17	73,5
30	Tiểu học Đồng Tiến	Tiểu Học	11	345	30791	Phạm Bảo Ngọc	4A	86	75,99	79,99
1	THCS Phong Cốc	THCS	155	2496	211897	Lê Ngọc Minh Châu	8C	102	77,6	87,36
2	THCS Mạo Khê	THCS	228	2356	205503	981103666	7B	110	81,9	93,14
3	THCS Trần Hưng Đạo	THCS	119	2260	199441	Trần Chúc	8A5	74	89,46	83,28
4	THCS Đồng Tiến	THCS	82	2046	171560	Bùi Như Ngọc	6A	117	73,97	91,18
5	THCS-THPT Hoàn Mô	THCS	76	1471	127604	Trần Minh Khải	7A	108	71,19	85,91
6	TH-THCS Trảng An (Cấp THCS)	THCS	48	1248	112002	Ngô Văn Anh	7B2	100	88,75	93,25
7	THCS Hiệp Hoà	THCS	115	1144	99403	Nguyễn Hồng Yến	7B	72	80,65	77,19
8	THCS Phương Đông	THCS	76	1059	92075	Mạc Thùy Chi	6A2	70	80,73	76,44
9	THCS Lý Tự Trọng - P.Cửa Ông	THCS	109	897	77948	Trần Tuệ Mỹ	6A3	54	80,59	69,96
10	THCS Nguyễn Trãi - Hạ Long	THCS	34	627	56863	Phạm Trí Đức	7A4	89	73,09	79,45
11	THCS Lê Hồng Phong - P.Hạ Long	THCS	54	561	52998	LUU MẠNH ĐỨC	7A7	84	78,23	80,54
12	TH-THCS Nam Khê (Cấp THCS)	THCS	35	535	50792	Trịnh Bích Loan	7a1	103	91,45	96,07
13	THCS Trọng Điểm	THCS	53	507	49258	Vũ Hoàng My	7A5	31	96,16	70,1
14	THCS Hòa Lạc	THCS	36	533	48615	Đào Kim Khải Phong	6A2	79	82,95	81,37
15	THCS Ba Chẽ	THCS	12	399	34485	Lê Thị Minh Thảo	6B	75	75,31	75,18
16	PTDTNT Ba Chẽ	THCS	58	406	32535	Đặng Hoa Đào	6A2	69	77,38	74,03
17	THCS Lê Văn Tám - Hạ Long	THCS	36	310	28044	Bùi Bích Vân	8B1	22	92,23	64,14
18	TH-THCS Trà Cỏ (Cấp THCS)	THCS	18	297	27522	Lê Nhật Minh	6B	69	75,9	73,14
19	TH-THCS Hà Tu (Cấp THCS)	THCS	26	292	26545	Nguyễn Thảo Linh	5A	65	77,51	72,5
20	TH-THCS Bình Liêu (Cấp THCS)	THCS	8	251	24380	Hoàng Bảo Ngân	6A	89	85,97	87,18

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH TÂY NINH VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Tân Lập - X.Tân Lập	Tiểu Học	17	698	58782	Nguyễn Minh Anh	5A	122	67.18	89.11
2	Tiểu học Cầu Khởi B	Tiểu Học	12	609	57392	NGUYỄN NGỌC TUYỀN	5b	85	81.72	83.03
3	Tiểu học Tân Thạnh	Tiểu Học	13	655	50984	Hồ Minh Lộc	3A2	123	77.77	95.86
4	Tiểu học Tân An	Tiểu Học	31	601	49455	Đỗ Phương Cát Tường	2/7	78	83.41	81.25
5	Tiểu học Võ Thị Sáu - P.Tân Ninh	Tiểu Học	48	547	46127	Lê Nguyễn Hà My	2G	30	93.57	68.14
6	Tiểu học Lộc Tiền	Tiểu Học	16	389	34284	Nguyễn Ngọc Bảo Lam	5/5	54	81.63	70.58
7	Tiểu học Long Cang	Tiểu Học	9	408	34009	ĐỖ PHẠM NGỌC ANH	5/3	94	89.13	91.08
8	Tiểu học Tôn Thất Tùng	Tiểu Học	24	403	32084	Trịnh Võ Bảo Ngọc	3B	104	77.97	88.38
9	Tiểu học Kiến Bình	Tiểu Học	25	402	31230	Trần Nhật Hào	3c	83	82.63	82.78
10	Tiểu học Hoàng Lê Kha	Tiểu Học	16	369	27373	Nguyễn Trâm Anh	3A	72	73.61	72.97
11	Tiểu học Suối Đá A	Tiểu Học	10	287	25800	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	3A	80	81.05	80.63
12	Tiểu học Võ Thị Sáu - X.Châu Thành	Tiểu Học	17	278	25433	Phan Nhật Quyên	5A	48	82.27	68.56
13	Tiểu học Phước Ninh	Tiểu Học	11	227	19334	Lê Ngọc Khả Anh	5b	47	86.15	70.49
14	Tiểu học Nguyễn Tấn Kiều	Tiểu Học	10	146	14247	Lê Minh Triết	2B3	49	86.9	71.74
15	Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc - X.Tân Biên	Tiểu Học	10	101	9120	Lê Hoài Bảo Trọng	5b	20	90.65	62.39
16	Tiểu học Lê Lợi	Tiểu Học	7	84	5953	Lê Nguyễn Duy Khang	3B	34	78.09	60.45
17	Tiểu học Nhơn Ninh A	Tiểu Học	4	80	5420	839398085	3 Tân Chánh	1	98	59.2
18	Tiểu học Bùi Thị Xuân - P.Long Hoa	Tiểu Học	7	53	4447	Võ Thị Thảo Nhi	3B	5	85	53
19	Tiểu học Thạnh Bình B	Tiểu Học	4	44	3789	Lê Ngọc Quỳnh Anh	4B	15	80.87	54.52
20	Tiểu học Võ Thị Sáu - P.Long An	Tiểu Học	1	32	3051	Huỳnh Nguyễn Quang Bảo	5/2	32	95.34	70.01
21	Tiểu học Trâm Vàng	Tiểu Học	12	22	2118	Hồ Lê Phương Thảo	4D	9	87.33	56
22	Tiểu học Cẩm An	Tiểu Học	4	15	1320	Bùi Quốc Đại	3A	1	100	60.4
23	Tiểu học TT Tân Biên	Tiểu Học	1	5	395	Nguyễn Sỹ Minh Hiếu	5b	5	79	49.4

24	Tiểu học Mỹ Lộc	Tiểu Học	1	2	160	Danh Trần Tuệ Minh	2/2	2	69.5	42.5
1	THCS Lý Tự Trọng - P.Long Hoa	THCS	103	8583	832529	Nguyễn Trần Minh Long	8a4	699	85.81	331.09
2	THCS Càn Đốt	THCS	111	5560	427245	Mai Ngọc Phương Anh	8.1	1171	70.63	510.78
3	THCS Long Giang	THCS	57	1831	162472	Lý Minh Trọng	8A2	150	87.87	112.72
4	THCS Trần Hưng Đạo - P.Tân Ninh	THCS	46	1154	110521	Nguyễn Đào Thanh Nhi	7A8	189	85.37	126.82
5	THCS Nhựt Chánh	THCS	17	616	56715	Bùi Nguyễn Khánh Ngọc	8.4	282	88.82	166.09
6	THCS Trương Tùng Quân	THCS	30	389	35870	Nguyễn Thị Kim Ngân	8/4	65	93.58	82.15
7	THCS Nguyễn Văn Ân	THCS	20	379	33048	Phan Đình Quý	8A1	46	83.8	68.68
8	THCS Thuận Nghĩa Hoà	THCS	32	377	25816	Lê Ái My	6/1	57	67.96	63.58
9	TH-THCS Tuyên Bình	THCS	11	250	21452	Cao Nguyễn Khả Vy	3/2	115	78.2	92.92
10	THCS Mạc Đình Chi	THCS	13	241	21347	Phạm Như Quỳnh	6B	63	80.4	73.44
11	THCS Chu Văn An	THCS	29	164	14597	Bùi Anh Khoa	8A2	28	88.68	64.41
12	THCS Lê Hữu Nghĩa	THCS	5	183	12812	858548633	8A3	63	74.38	69.83
13	THCS Khánh Hậu	THCS	5	101	8701	Trịnh Hà Mai Khanh	8.3	46	80.28	66.57
14	THCS Trần Bình Trọng	THCS	4	29	1985	Ngô Nguyễn Gia An	6A3	6	74	46.8
15	THCS Hiệp Thạnh	THCS	3	21	1899	Võ Lê Phương An	6A1	1	89	53.8
16	THCS Mỹ Lệ	THCS	2	9	628	Nguyễn Trần Hoàng Kim	8/4	6	60.83	38.9
17	THCS Nguyễn Thành Nam	THCS	1	7	495	Phạm Ngọc Trà My	6A1	7	70.71	45.23

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH LÂM ĐỒNG VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Phan Rí Cửa 2	Tiểu Học	81	2235	178787	Nguyễn Phương Khánh Ân	1.1	369	94.9	204.54
2	Tiểu học Trần Bình Trọng	Tiểu Học	47	1415	114876	Huỳnh Thiên Mỹ	5E	183	81.23	121.94
3	Tiểu học Phước Hội 3	Tiểu Học	32	864	68270	Trần Mỹ Anh	2A	160	73.76	108.26
4	Tiểu học Đức Nghĩa	Tiểu Học	37	638	49264	Nguyễn Trần Gia Khang	4A	116	81	95
5	Tiểu học Xuân An	Tiểu Học	14	548	43684	Nguyễn Đình Nhật Vy	1B	303	81.01	169.81
6	Tiểu học Lộc Sơn 1	Tiểu Học	35	422	41543	Võ Đồng Khánh Nguyên	4a5	68	91.37	82.02
7	Tiểu học Phước Hội 1	Tiểu Học	20	495	38409	Trần Đức Anh	5A	140	70.11	98.07
8	Tiểu học Chí Công 1	Tiểu Học	30	483	36719	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ Hoa	5C	129	76.77	97.66
9	Tiểu học Hàm Thắng 1	Tiểu Học	14	322	29661	Hồ Huỳnh Mai Tiên	5A	94	83.71	87.83
10	Tiểu học Lý Tự Trọng - X.Đức Lập	Tiểu Học	9	313	24229	Trần Đình Lâm	4D	141	75.46	101.68
11	Tiểu học Hoài Đức	Tiểu Học	16	223	20829	Bùi Lô Ngọc Tiến	4A1	68	78.87	74.52
12	TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn (Cấp TH)	Tiểu Học	15	213	20507	Đào Nguyễn Uyên Ly	1A4	81	87.78	85.07
13	Tiểu học Lê Lợi - P.Cam Ly-Đà Lạt	Tiểu Học	5	197	19916	Bùi Huy Minh	5A	179	88.15	124.49
14	Tiểu học Hàm Thắng 4	Tiểu Học	12	202	18171	Trần Ngọc Anh Thu	4B	50	86.7	72.02
15	Tiểu học Hoà Thành	Tiểu Học	9	179	17356	LÊ AN NHIÊN	2c	57	89.07	76.24
16	Tiểu học Chu Văn An - X.Nam Thành	Tiểu Học	12	200	16585	Trần thanh diệu	3B	56	88.84	75.7
17	Tiểu học Phi Liêng	Tiểu Học	2	162	15991	Trần Tuấn Ngọc	3A1	93	93.67	93.4
18	Tiểu học Liên Hương 1	Tiểu Học	17	182	14511	Bùi Phúc Minh Anh	5D	75	86.17	81.7
19	Tiểu học Phan Hiệp	Tiểu Học	6	104	8579	Hấp Lâm Khánh Thiên	2	36	85.83	65.9
20	Tiểu học Mũi Né 1	Tiểu Học	5	99	8141	Trương Thành Tài	4C	47	81.21	67.53
21	Tiểu học Huy Khiêm 2	Tiểu Học	9	104	7666	Đặng Nguyễn Uy Phong	2	24	82.21	58.93
22	Tiểu học Bình Thạnh - X.Đình Văn Lâm Hà	Tiểu Học	14	76	6780	Nguyễn Khánh Đan	5A	3	95.67	58.6
23	Tiểu học Đồng Kho 2	Tiểu Học	5	92	6709	Võ Trí Cường	4A	40	76.7	62.02
24	Tiểu học Sông Phan 1	Tiểu Học	1	56	5933	Võ Hoàng Phúc	4B	56	92.13	77.68

25	Tiểu học Mạc Đĩnh Chi	Tiểu Học	5	74	5585	Lương Phạm Linh Thảo	4A	35	79.09	61.45
26	Tiểu học Chu Văn An - X.Cư Jút	Tiểu Học	4	62	5175	Nguyễn phan khánh Chi	5A	48	81.96	68.38
27	Tiểu học Triệu Hải	Tiểu Học	4	42	3847	Lê Dương Minh Thảo	3A	6	88.83	55.7
28	tiểu học Đưng K'Nớ	Tiểu Học	8	42	3233	Rơ Ông NaTaSa	3A	4	95.25	58.75
29	Tiểu học Kambutte	Tiểu Học	1	18	1686	Ndrong Ny Ly	5A	18	81.44	56.07
30	Tiểu học Trần Quốc Toàn - X.Đạ Huoai	Tiểu Học	4	15	1500	Vũ Hàn Gia Hoàng	5b	1	94	56.8
1	THCS Đăk Nang	THCS	19	570	40547	Nguyễn Mai Kim Ngân	6A1	71	85.1	79.46
2	THCS Lam Sơn	THCS	28	385	35490	Bùi Nguyễn Minh Thư	6A3	95	83.25	87.95
3	THCS Triệu Hải	THCS	16	160	13809	Nguyễn Thị Thanh Huyền	8C	39	81.31	64.38
4	THCS Hồng Sơn	THCS	11	115	11387	Lê Nhật Minh	8.7	21	99.48	68.09
5	THCS Đan Phượng	THCS	4	84	7854	Phùng Ngọc Thiên Ân	8A3	76	82.21	79.73
6	THCS Hàm Thắng	THCS	5	21	1897	Nguyễn Trương Phúc Nguyễn	8.3	3	89	54.6
7	THCS Tân Lâm	THCS	1	14	1283	Nguyễn Hà Quế Anh	6	14	79.71	53.43

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH ĐỒNG NAI VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Long Thọ	Tiểu Học	72	2382	188437	Lục Thuý Quỳnh	3/13	164	82,32	114,99
2	TH-THCS-THPT Song ngữ Á Châu (Cấp TH)	Tiểu Học	53	907	87173	Lê Thanh	2.8	73	94,41	85,85
3	Tiểu học Bạch Lâm	Tiểu Học	16	241	21844	Nguyễn Hoàng Kim	5c	39	81,59	64,55
4	Tiểu học Phù Đổng - P.Long Bình	Tiểu Học	2	196	15889	Đặng Tố Như	5	100	84,14	90,48
5	Tiểu học Nguyễn khuyến	Tiểu Học	7	143	14457	TRẦN MINH THIỆT	3A1	55	97,05	80,23
1	THCS Nguyễn Đức Ứng	THCS	12	321	27570	ĐINH NGỌC ANH	6/9	90	85,92	87,55
2	THCS Hùng Vương - X.Trảng Bom	THCS	17	170	17542	Nguyễn Hương Trà	69	56	94,61	79,16
3	THCS Tam Phước	THCS	34	151	11387	Nguyễn Xuân Lê Tuấn	6	1	97	58,6
4	TH-THCS-THPT Song ngữ Á Châu (Cấp THCS)	THCS	5	71	7067	Mai Bảo Châu	7.8	22	93,23	64,74
5	THCS Thuận Phú	THCS	5	53	4113	Lê Hoàng Nam	6A2	24	81,04	58,23

**DANH SÁCH THÍ SINH TP. CẦN THƠ VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Mỹ Thuận A	Tiểu Học	43	1818	162787	TĂNG QUẾ MINH	4/2	180	83,22	121,93
2	Tiểu học Lái Hiếu	Tiểu Học	18	564	44009	Võ Ngọc Lưu Ly	4A1	86	81,15	83,09
3	Tiểu học An Thới 1	Tiểu Học	22	441	36497	Nguyễn Thị Như Mai	4B1	86	84,06	84,83
4	Tiểu học An Thới 2	Tiểu Học	16	320	31427	Huỳnh Đăng Hoàng Long	5.5	80	90,61	86,37
5	Tiểu học Trà An	Tiểu Học	5	183	13318	NGHIEM MY PHUONG	3a2	111	67,14	84,68
6	Tiểu học Tân Lập A	Tiểu Học	7	98	7590	Nguyễn khánh nguyên	2A2	26	92,19	65,72
7	Tiểu học Phú Thứ 1	Tiểu Học	13	84	7386	Võ Ngọc Hoàng Châu	5.3	4	93	57,4
8	Tiểu học An Ninh B	Tiểu Học	4	81	6806	DUƠNG LÝ NGỌC BÔNG	4A	57	74	67,2
9	Tiểu học Vĩnh Viễn 1	Tiểu Học	2	57	5644	Đặng Chí Bình	5c	48	89,17	72,7
10	Tiểu học Him Lam	Tiểu Học	7	58	5438	Nguyễn Kim Tuyền	5D	26	82,96	60,18
11	Tiểu học Hoàng Diệu	Tiểu Học	2	17	1443	Ngô Hồng Vy	5b	7	82,71	52,43
12	Tiểu học Trần Quốc Toản - P.Ninh Kiều	Tiểu Học	3	12	1273	Đoàn Lê Xuân Trà	4P7	4	95,25	58,75
13	Tiểu học Trường Long Tây 2	Tiểu Học	1	13	1087	Nguyễn Ngọc Hân	5B2	13	83,62	55,37
14	Tiểu học Thốt Nốt 1	Tiểu Học	2	9	898	Bùi Ngọc Như Ý	5.1	5	93,4	58,04
15	Tiểu học Liêu Tú C	Tiểu Học	1	7	691	Lâm Trang Hoài An	3A	7	85,86	54,31
16	Tiểu học Hưng Phú 2	Tiểu Học	1	3	344	Bùi Nhật Huy	4B	3	99,67	61
1	THCS Đoàn Thị Điểm	THCS	10	155	14543	QUAN LỄ TỊNH	8A8	61	78,08	71,25
2	THCS Vĩnh Trung	THCS	7	95	6777	Nguyễn Trọng Phú	7a1	34	71	56,2
3	THCS Trung Bình	THCS	5	73	5353	Nguyễn Chí Tài	7A1	26	74	54,8
4	THCS Long Đức	THCS	1	17	1310	Nguyễn Tố Nhã Uyên	7A2	17	67	47
5	THCS Ngô Quốc Trị	THCS	1	7	697	Trần Huỳnh Như Ý	6A1	7	86,57	54,74

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH QUẢNG TRỊ VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Thái Thủy	Tiểu Học	244	7501	625510	Phạm Anh Dũng	5A	420	88.91	221.35
2	Tiểu học số 1 Ba Đồn	Tiểu Học	198	4537	407260	Nguyễn Trung Kiên	5D	362	77.96	191.57
3	Tiểu học số 1 Nam Lý	Tiểu Học	152	4216	397358	Lê Trương Ngọc Hân	1.4	241	87.9	149.14
4	Tiểu học số 2 Quảng Hưng	Tiểu Học	172	3666	306567	Đặng Phương Nam	5A	99	79.46	87.28
5	TH-THCS Quảng Thủy (Cấp TH)	Tiểu Học	82	2346	199684	Nguyễn Diệu Thảo	1A	124	71.95	92.77
6	Tiểu học số 1 Thanh Trạch	Tiểu Học	144	2222	193544	Lê Phú Thịnh	1A	202	73.14	124.69
7	Tiểu học Yên Hoá	Tiểu Học	45	2095	187578	Phạm Bá Dũng	4A	333	92.65	188.79
8	Tiểu học Xuân Ninh	Tiểu Học	101	2015	176842	Nguyễn Đại Thái Dương	2.3	208	80.75	131.65
9	Tiểu học Vạn Ninh	Tiểu Học	95	1863	164964	Nguyễn Ngọc thảo My	4B	89	81.83	84.7
10	Tiểu học Lê Ninh	Tiểu Học	64	1815	161436	Nguyễn Khánh Ngọc	4A	100	84.66	90.8
11	Tiểu học Quảng Thọ	Tiểu Học	109	1872	160880	Phạm Nhã Hân	2A1	79	86.54	83.53
12	Tiểu học Hạ Trạch	Tiểu Học	95	1589	138214	Lê Thị Nhã Uyên	2B	92	79.99	84.79
13	Tiểu học số 2 Bắc Lý	Tiểu Học	101	1431	131245	Trương Thảo Nguyên	1.1	97	92.84	94.5
14	Tiểu học Võ Thị Sáu - P.Nam Đông	Tiểu Học	81	1272	116826	Hà Văn Anh Đức	1A	100	76.36	85.82
15	Tiểu học Hàm Nghi	Tiểu Học	35	1150	112929	Hoàng Minh Tâm	2A	220	94.27	144.56
16	Tiểu học Quảng Liên	Tiểu Học	85	1310	109912	Trần Gia Hưng	2B	114	73.09	89.45
17	Tiểu học Liên Thủy	Tiểu Học	73	1286	108624	Nguyen Quoc Vuong	5b	128	68.66	92.39
18	Tiểu học Gio Linh	Tiểu Học	41	1161	106680	Phạm Tấn Anh	5E	212	88.58	137.95
19	TH-THCS Trần Đại Nghĩa (Cấp TH)	Tiểu Học	68	1033	99973	Cao Diệp Anh	5c	246	95	155.4
20	Tiểu học Hải Trạch	Tiểu Học	41	1078	96463	Phan Hoàng Anh	5D	83	80.57	81.54
21	Tiểu học Hoa Thủy	Tiểu Học	39	1003	88941	Nguyễn Thanh Minh Châu	1C	107	80.36	91.02
22	Tiểu học Số 1 Lao Bảo	Tiểu Học	43	994	87351	Lê Hoàng Đan Thư	1B	108	66.82	83.29
23	TH-THCS Bùi Dục Tài (Cấp TH)	Tiểu Học	45	919	86398	Nguyễn Thảo Nguyên	2c	101	92.31	95.78
24	Tiểu học Nguyễn Tất Thành	Tiểu Học	13	774	82163	Lê Minh Bảo Trân	2E	555	96.15	279.69
25	Tiểu học Hồng Hoá	Tiểu Học	41	963	80296	Phạm Thị Thanh Trúc	4B	116	66.39	86.23

26	Tiểu học số 1 Bắc Lý	Tiểu Học	42	887	79164	Lê Đức Anh	3A	115	76.85	92.11
27	Tiểu học Tân Ninh	Tiểu Học	57	883	78780	Tu Sĩ Gia Khang	5A	70	82.79	77.67
28	Tiểu học Phù Hoá	Tiểu Học	45	934	78354	Nguyễn Thị Thanh Ngân	4A	99	77	85.8
29	Tiểu học Quảng Văn	Tiểu Học	45	882	77340	Trần Đức Mạnh	4A	102	78.51	87.91
30	TH-THCS Hải Phú (Cấp TH)	Tiểu Học	22	741	72810	Nguyễn Tú Uyên	5b	370	90.96	202.58
1	TH-THCS Vĩnh Chấp (Cấp THCS)	THCS	13	214	19213	Hoàng Yến Linh	6A	46	80.22	66.53
2	THCS-THPT Đakrông	THCS	10	186	16559	Hồ Trương Nhật Tân	6B	44	74.73	62.44
3	TH-THCS Hải Hoà (Cấp THCS)	THCS	10	166	15243	Nguyễn Đức Nhân	7B	22	89.91	62.75
4	TH-THCS Vĩnh Hoà (Cấp THCS)	THCS	6	128	12234	Lê Phương Thảo	6A	31	86.65	64.39
5	TH-THCS Phú Hải (Cấp THCS)	THCS	9	131	11322	Nguyễn Lê Vĩnh Phước	7/2	22	85.82	60.29
6	TH-THCS Triệu Sơn (Cấp THCS)	THCS	6	98	8944	Trần Ngọc Hân	7A	67	78.87	74.12
7	THCS-THPT Bến Hải	THCS	7	82	7033	Nguyễn thị Khánh Chi	6A	35	80.89	62.53
8	TH-THCS-THPT Trưng Vương (Cấp THCS)	THCS	2	51	4648	Võ Xuân Thành	7A	48	78.35	66.21
9	TH-THCS Văn Hoá (Cấp THCS)	THCS	1	35	3371	Phạm Ngọc Minh	2B	35	83.74	64.25
10	THCS-THPT Chu Văn An	THCS	4	33	2634	Nguyễn Khánh Băng	8A1	5	92.4	57.44
11	THCS-THPT Bắc Sơn	THCS	2	18	1850	Nguyễn Thiên Ân	8.1	9	94	60
12	TH-THCS Tân Liên (Cấp THCS)	THCS	2	15	1435	Nguyễn Thái Quỳnh Giao	7A	11	86.18	56.11
13	TH-THCS Triệu Trung (Cấp THCS)	THCS	2	12	1170	Nguyễn Chon Tuấn Kiệt	8A	11	86.64	56.38
14	TH-THCS Gio Mỹ (Cấp THCS)	THCS	1	9	739	Ngọc Hân	6A	9	71.44	46.47
15	TH-THCS Vĩnh Tú (Cấp THCS)	THCS	3	8	645	Lê Văn Quốc Duy	7	3	77.33	47.6
16	TH-THCS Cam Thủy - X.Cam Hồng (Cấp THCS)	THCS	1	3	267	Trương Quỳnh Bảo Ngọc	6/2	3	77.33	47.6
17	PTDTBT TH-THCS A Vao (Cấp THCS)	THCS	1	3	198	An	3A	3	66	40.8
18	TH-THCS Hải Phú (Cấp THCS)	THCS	1	1	107	Phan Lê Bảo Ngân	8A	1	93	56.2
19	TH-THCS Thiện Thành (Cấp THCS)	THCS	1	1	92	Lê Long Hồ	8C	1	80	48.4

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH CAO BẰNG VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Nước Hai	Tiểu Học	56	1304	120536	Hoàng Trà My	3A	114	78,13	92,48
2	Tiểu học Hợp Giang	Tiểu Học	93	1233	114646	Đàm Đại An	3H	74	88,35	82,61
3	Tiểu học Đông Khê	Tiểu Học	26	488	43402	Hoàng Hoài Thanh	5A1	62	77,29	71,17
4	Tiểu học Vĩnh Quang - P.Nùng Trí Cao	Tiểu Học	11	201	18566	Lương Thanh Trúc	3A	47	90,96	73,37
5	Tiểu học Kim Đồng	Tiểu Học	18	206	17195	Nông Thị Minh Châu	4A	37	77,92	61,55
6	Tiểu học Chí Viễn	Tiểu Học	8	193	15933	Nông Bảo An	3A	89	68,08	76,45
7	Tiểu học Lê Chung	Tiểu Học	15	177	14155	Hoàng Bé Bảo Anh	3c	23	73,48	53,29
8	Tiểu học Hưng Đạo	Tiểu Học	14	152	13647	Đàm Phúc An	4A	31	80,84	60,9
9	Tiểu học Thị Xuân	Tiểu Học	7	145	13419	Hoàng Khánh Lam Anh	5A	68	87,07	79,44
10	Tiểu học Đề Thám	Tiểu Học	12	139	12601	Đinh Mai Khanh	1A	38	76,5	61,1
11	Tiểu học Cách Linh	Tiểu Học	2	85	7170	Đàm Nhã Phương	5b	51	78,2	67,32
12	TH-THCS Cô Ngân (Cấp TH)	Tiểu Học	5	85	6991	Dương Anh Khôi	4	33	76,33	59
13	Tiểu học Lăng Hiếu	Tiểu Học	6	84	6921	Đàm Đình Đạt	4A	19	76,53	53,52
14	Tiểu học Lý Quốc	Tiểu Học	4	76	6631	Hoàng Tuấn Kiệt	4B	54	75,15	66,69
15	Tiểu học Hoàng Tung	Tiểu Học	6	61	5557	Trương Mỹ Hoa	3A	20	87	60,2
16	Tiểu học Nà Giàng	Tiểu Học	8	58	5483	Hoàng Gia Hân	5A	21	88,81	61,69
17	Tiểu học Sông Hiến	Tiểu Học	10	55	5465	Chu Tuấn Dũng	2A1	17	93,24	62,74
18	Tiểu học Đức Hồng	Tiểu Học	10	55	4871	NÔNG MAI HIÊN	3B	12	85,67	56,2
19	Tiểu học Trùng Khánh	Tiểu Học	7	54	4845	Ma Long Hưng	4A	5	90,2	56,12
20	Tiểu học Nguyên Bình	Tiểu Học	5	57	4488	Lục Mã Hà Thương	3A	4	93,5	57,7

21	Tiểu học Tân Giang	Tiểu Học	4	39	3772	Nông Thu Hà	3	11	91,18	59,11
22	Tiểu học Tổng Cột	Tiểu Học	3	41	3413	Sầm Nhật Nam	4A	15	78,13	52,88
23	TH-THCS Chu Trinh (Cấp TH)	Tiểu Học	3	38	3089	Nguyễn Phương Bảo Ngọc	5A	1	100	60,4
24	PTDTBT TH-THCS Sơn Lộ (Cấp TH)	Tiểu Học	4	29	2247	Ma Minh Khuê	1ĐC	4	75,75	47,05
25	Tiểu học Bắc Hợp	Tiểu Học	2	24	1989	Hoang Tue Lam Anh	3	3	88,33	54,2
26	Tiểu học An Lạc	Tiểu Học	4	9	627	Nông Thảo Vy	3A	4	66	41,2
27	Tiểu học Hồng Trị	Tiểu Học	1	8	579	Chu Quỳnh Nga	5A1	8	72,38	46,63
28	Tiểu học Đình Phùng	Tiểu Học	1	3	227	Vi Thị Mỹ Anh	4	3	65,67	40,6
1	THCS Đề Thám	THCS	7	47	4315	Nguyễn Thiên Ân	7E	16	81,25	55,15
2	PTDTNT THCS Thông Nông	THCS	1	14	1080	Hoàng Ngọc Mai	6	14	77,14	51,89
3	TH-THCS Chu Trinh (Cấp THCS)	THCS	1	7	560	Nông Thị Thu Hoài	6	7	69,57	44,54

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH LẠNG SƠN VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Chi Lăng - P.Lương Văn Tri	Tiểu Học	21	274	25965	Hoàng Tiến Dũng	2A7	74	83,27	79,56
2	Tiểu học Mai Pha	Tiểu Học	7	247	20886	HOÀNG NHẬT MINH	2A4	115	73,58	90,15
3	PTDTBT TH 1 Kiên Mộc	Tiểu Học	6	129	11201	Nông Trà My	2A	48	81,88	68,33
4	Tiểu học Hoà Bình - X.Vạn Linh	Tiểu Học	6	55	4855	Vi Hải Đăng	5A	36	77,75	61,05
5	Tiểu học Chi Lăng - X.Thất Khê	Tiểu Học	2	23	1830	Dương Phước An	4A1	18	68,06	48,03
6	Tiểu học Đồng Ý	Tiểu Học	1	10	807	Hoàng Khánh Ly	4a3	10	70,2	46,12
7	Tiểu học Xã Tri Phương	Tiểu Học	1	3	285	Lý Thị Anh Thư	5c	3	82,67	50,8
1	THCS Kim Đồng	THCS	1	70	6822	Chu Tấn Phong	6	70	84,74	78,85
2	TH-THCS Hải Yến (Cấp THCS)	THCS	3	18	1494	Mã Bảo Vy	6A	7	76,71	48,83
3	THCS Hồ Sơn	THCS	2	2	163	Lương Bảo Thiên	6A	1	72	43,6

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH LÀO CAI VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Nghĩa Tâm	Tiểu Học	85	2186	193251	Nguyễn Quang Vinh	5D	224	92.96	145.38
2	Tiểu học Lê Ngọc Hân	Tiểu Học	103	2072	183845	Lê Hà Anh	4A6	75	85.09	81.06
3	Tiểu học số 1 Bắc Cường	Tiểu Học	104	1776	167280	Nguyễn Quỳnh Anh	2A1	153	82.41	110.64
4	Tiểu học Nguyễn Phúc	Tiểu Học	23	1660	158000	Lại Trần Minh Anh	4A	549	82.67	269.2
5	Tiểu học Nguyễn Thái Học	Tiểu Học	91	1563	146871	Nguyễn Việt Dương	4B	148	87.07	111.44
6	TH-THCS Khánh Hoà (Cấp TH)	Tiểu Học	64	1611	130361	Hoàng Kim Ngân	3A1	109	75.41	88.85
7	Tiểu học Kim Đồng - P.Lào Cai	Tiểu Học	90	1354	127798	Tạ Đình Huy	5A6	202	95.93	138.36
8	Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Tiểu Học	76	1195	109908	Trịnh Thảo Nguyên	3A6	109	80.09	91.66
9	Tiểu học Lê Văn Tám	Tiểu Học	105	1158	104914	phung khanh linh	2A6	73	75.26	74.36
10	Tiểu học số 1 Sơn Hà	Tiểu Học	29	931	79468	Nguồn Linh Nhi	2A2	123	71.61	92.17
11	PTDTBT TH Nậm Lúc	Tiểu Học	44	947	76907	Đặng Anh Tuấn	5a2	74	72.61	73.16
12	Tiểu học số 3 Phú Nhuận	Tiểu Học	4	755	76688	Đỗ Ngọc Nguyên Khoa	4B	720	89.28	341.57
13	TH-THCS Hán Đà (Cấp TH)	Tiểu Học	47	801	68704	vu nguyen thien nhan	4A	116	74.6	91.16
14	PTDTBT TH Bảo Hà	Tiểu Học	10	805	67809	Nguyễn Thành Minh	4T3	152	71.08	103.45
15	Tiểu học Nam Cường - P.Cam Đường	Tiểu Học	55	609	57483	Trần Bảo An	5a2	27	93.67	67
16	TH-THCS Nậm Càng (Cấp TH)	Tiểu Học	12	687	56949	Sùng Kim Phong	5A	285	71.43	156.86
17	Tiểu học số 2 Phó Lu	Tiểu Học	39	542	50082	Hoàng Trần Tuệ Linh	5D	104	72.32	84.99
18	Tiểu học Phúc Lợi	Tiểu Học	17	557	47585	Triệu Tiến Gia Huy	5	83	90	87.2
19	TH-THCS Đào Thịnh (Cấp TH)	Tiểu Học	15	542	47137	Doãn Yến Nhi	5A	81	73.95	76.77
20	Tiểu học Nguyễn Du	Tiểu Học	38	515	46849	Nguyễn Băng Tâm	2A	99	81.39	88.44
21	TH-THCS Vĩnh Lạc (Cấp TH)	Tiểu Học	25	539	46010	NGUYỄN CHÍ HÙNG DŨI	4a2	101	72.07	83.64
22	Tiểu học Tả Phìn	Tiểu Học	37	525	43429	Trần Bình An	1A	1	99	59.8
23	Tiểu học số 4 Võ Lao	Tiểu Học	34	510	42754	Đoàn Hà My	3B	50	85.8	71.48
24	Tiểu học Trần Phú - X.Thượng Bằng La	Tiểu Học	26	479	41301	Nguyễn Hà An	5b	73	78.36	76.21
25	PTDTBT TH-THCS A Lù (Cấp TH)	Tiểu Học	7	503	40549	Thào Thị Dia	5a2	104	66.92	81.75

26	PTDTBT TH số 2 Phong Hải	Tiểu Học	17	398	36968	Nguyễn Hoàng Anh	3A3	60	80.27	72.16
27	Tiểu học Bắc Lệnh	Tiểu Học	21	347	32625	Nguyễn Ánh Dương	3A4	100	79.92	87.95
28	Tiểu học Mường Khương	Tiểu Học	31	363	32536	Lê Thị Như Ý	4a4	57	69.07	64.24
29	Tiểu học Minh An	Tiểu Học	14	355	31742	Nguyễn Văn Đoàn	4A	114	82.64	95.18
30	Tiểu học Na Hối	Tiểu Học	17	329	30624	Vàng Anh Tuấn	5A1	60	90.48	78.29
1	TH-THCS Vĩnh Lạc (Cấp THCS)	THCS	182	4285	377904	Mã Đình Khánh Toàn	8A2	223	97.58	147.75
2	THCS Lý Tự Trọng	THCS	84	3416	332557	Bùi Huy Hoàng	7A4	346	95.73	195.84
3	TH-THCS số 1 Lương Thịnh (Cấp THCS)	THCS	15	216	17671	Triệu Hương Trà	6B	75	69.51	71.7
4	TH-THCS Văn Phú (Cấp THCS)	THCS	9	111	9851	Nguyễn Trường An	7B	23	87.48	61.69
5	PTDTBT THCS Nậm Sài	THCS	1	85	8910	Đào Duy An	7A	85	91.15	88.69
6	TH-THCS Đông Công (Cấp THCS)	THCS	4	41	3457	Vũ Huyền Trang	6A	27	71.41	53.64
7	TH-THCS-THPT Quốc tế Canada (Cấp THCS)	THCS	3	33	3381	Bảo Anh	5	24	92	64.8
8	THCS Lê Quý Đôn	THCS	1	15	1350	Nguyễn Khánh Tùng	7D	15	78.27	52.96
9	TH-THCS số 2 Hồng Ca (Cấp THCS)	THCS	1	2	145	Hồ Ngọc Vũ	8A	2	63	38.6
10	MN-TH-THCS Khai Trung (Cấp THCS)	THCS	1	2	128	Nguyễn Thị Nguyệt	lớp 7	2	55.5	34.1

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH THANH HÓA VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Nguyễn Bình	Tiểu Học	25	532	42030	Nguyễn Thị Bảo Lâm	4C	79	80.05	79.63
2	Tiểu học Quảng Thành	Tiểu Học	16	464	36496	Nguyễn Ngọc Chúc	5E	65	78.74	73.24
3	Tiểu học Bắc Sơn - P. Sầm Sơn	Tiểu Học	20	325	27551	Đỗ Thành Đạt	5D	31	97.32	70.79
4	Tiểu học Tân Sơn	Tiểu Học	1	35	3414	Phạm Hoàng Bảo Anh	5D	35	97.54	72.53
5	TH-THCS-THPT Fansipan (Cấp TH)	Tiểu Học	1	21	1969	Nguyễn Khánh An	5Q2	21	93.76	64.66
6	Tiểu học Quảng Hưng	Tiểu Học	1	1	100	Lê Ngân Ly	5A1	1	100	60.4

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH NGHỆ AN VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Hà Huy Tập 1	Tiểu Học	449	7172	572323	Trần Trâm Anh	2A	127	95.25	107.95
2	Tiểu học Nghi Kim	Tiểu Học	375	7335	566895	Trần Đình Bảo Long	1A	409	71.97	206.78
3	Tiểu học Nam Thái	Tiểu Học	198	4464	335451	Nguyễn Văn Minh Hoàng	5A	156	74.08	106.85
4	Tiểu học Châu Lý	Tiểu Học	153	3848	281104	Vi Huyền Diệu Anh	1A	75	77.81	76.69
5	Tiểu học Lê Lợi - P. Thành Vinh	Tiểu Học	204	3181	251761	Võ Trọng Khánh Nam	1H	108	88.47	96.28
6	Tiểu học Nghi Phú 2	Tiểu Học	128	2751	228527	Hồ Đình Tiến Phát	2E	170	72.96	111.78
7	Tiểu học Nguyễn Trãi	Tiểu Học	227	2594	209207	Tạ Đình Phúc Thiên	2D	74	94.46	86.28
8	Tiểu học Quỳnh Vinh A	Tiểu Học	180	2581	191701	Lý Nhã Uyên	3A6	70	82.89	77.73
9	Tiểu học Diên Yên	Tiểu Học	126	2232	174977	Nguyễn Phan Mộc Trà	4G	105	72.87	85.72
10	Tiểu học Thanh Mỹ	Tiểu Học	124	2070	154727	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	5E	50	90.52	74.31
11	Tiểu học Bôi Sơn	Tiểu Học	94	1951	145640	Nguyễn Trần Thanh Huyền	4	211	71.16	127.09
12	Tiểu học Hoà Bình	Tiểu Học	116	1912	143503	Nguyễn Thị Bảo Trúc	3C	96	76.7	84.42
13	TH-THCS Long Xá (Cấp TH)	Tiểu Học	113	1867	142172	Lê Văn Nguyên Khang	4B	76	87.38	82.83
14	Tiểu học Quỳnh Thạch	Tiểu Học	88	1751	138932	Nguyễn Trung Kiên	4B	82	95.9	90.34
15	Tiểu học Quỳnh Thiện B	Tiểu Học	96	1696	128532	Phạm Phú Thành	2D	75	78.65	77.19
16	Tiểu học Minh Sơn	Tiểu Học	76	1627	122641	Đào Thị Khánh Ngọc	4C	65	91.92	81.15
17	Tiểu học Hương Sơn	Tiểu Học	90	1659	122200	Nguyễn Văn Hoàng Bảo	5A	91	70.96	78.97
18	Tiểu học Đội Cung	Tiểu Học	93	1490	121480	Nguyễn Phan Nhật Linh	5A	83	79.35	80.81
19	Tiểu học Vinh Tân	Tiểu Học	120	1488	116719	Nguyễn Quốc Nhật (TNT)	2D	105	76.1	87.66
20	Tiểu học Trung Sơn	Tiểu Học	75	1537	115673	Nguyễn Thanh Trúc	4B	89	82.92	85.35
21	Tiểu học Nam Xuân	Tiểu Học	122	1459	109298	Nguyễn Phương Nhã Đan	3A	84	76.93	79.76
22	Tiểu học Đồng Văn 1	Tiểu Học	87	1532	107162	Vi Văn Bảo Thiên	3A	70	65.69	67.41
23	Tiểu học Hưng Đông	Tiểu Học	87	1324	105738	Nguyễn Đức Trường An	1	81	84.38	83.03
24	Tiểu học Hoà Hiếu 1	Tiểu Học	101	1263	100533	Phan Thị Nhã Uyên	3B	86	79.67	82.2
25	Tiểu học Diên Tân	Tiểu Học	83	1355	99691	Hoàng Thị Hải Ngân	3B	58	79.98	71.19
26	Tiểu học Trảng Sơn	Tiểu Học	69	1313	98372	Lê Đình Tuấn Kiệt	5D	77	78.32	77.79

27	Tiểu học Tân Hương 1	Tiểu Học	80	1336	97345	Nguyễn Thị Ánh Vui	5c	94	69.46	79.27
28	Liên cấp Marshall (Cấp TH)	Tiểu Học	15	1029	91547	Vũ Bùi Trường An	1A	94	90.43	91.86
29	Tiểu học Nghi Liên	Tiểu Học	61	1116	91231	Nguyễn Gia Bảo	5c	154	82.77	111.26
30	Tiểu học Hưng Phúc	Tiểu Học	94	1143	91161	Ngô Sỹ Lâm Phong	2A	65	78.45	73.07
1	THCS Hưng Bình	THCS	251	4777	375667	Nguyễn Ngọc Bảo Cường	8h	263	77.59	151.76
2	THCS Nguyễn Thái Nhự	THCS	134	2411	192267	Trần Thị Thanh Thúy	8C	262	98.97	164.18
3	THCS Nam Lĩnh	THCS	146	2216	160372	Trần Đăng Vũ	7	105	73.12	85.87
4	THCS Quang Tiến	THCS	236	2076	155565	Bùi Hồng Mỹ Ánh	6D	108	75.73	88.64
5	THCS Minh Hợp	THCS	74	1709	126755	Nguyễn Phúc Nguyên	7	90	74.8	80.88
6	THCS Lý Tự Trọng	THCS	122	1643	122950	Tô Đức Thắng	8A	80	90.39	86.23
7	THCS Trường Thi	THCS	57	1291	103534	Nguyễn Lê Gia An	7A2	83	96.37	91.02
8	THCS Nguyễn Trường Tộ - P. Vinh Hưng	THCS	111	1291	96460	Nguyễn Trần Bảo An	7G	113	81.75	94.25
9	THCS Xuân Sơn	THCS	101	1304	95354	truong nhu goc	8B	61	89.03	77.82
10	THCS Diễm Hạnh	THCS	81	1162	85510	Ngô Thị Mai Trang	6C	123	71.53	92.12
11	THCS Thanh Yên	THCS	99	1114	77620	Nguyễn Thị Hoài Thu	7A	30	81.9	61.14
12	THCS Hoàng Tá Thôn	THCS	83	1029	74981	Bùi Như Quỳnh	7C	89	70.08	77.65
13	THCS Nghi Yên	THCS	111	907	63924	Hồ Khánh Đơn	6A	33	83.73	63.44
14	THCS Lê Doãn Nhã	THCS	53	796	56416	NGUYỄN HỮU LINH	7A	122	62.96	86.58
15	THCS Diễm Thịnh	THCS	71	737	54982	Cao Thị Thảo Uyên	7A4	66	72.26	69.75
16	TH-THCS Xanh Tuệ Đức Nghệ An (Cấp THCS)	THCS	31	661	52698	Đặng Thị Thanh An	6A2	101	78.85	87.71
17	PTDTBT THCS Chiêu Lưu	THCS	11	586	42962	Nguyễn Văn Dũng	7D	172	76.88	114.93
18	THCS TT Nghĩa Đàn	THCS	25	509	41880	Nguyễn Cảnh Thịnh	7A	98	83.41	89.24
19	THCS Nghi Ân	THCS	42	411	30858	Phan Hải Đăng	6A	3	100	61.2
20	THCS Phùng Chí Kiên	THCS	46	377	29295	Lê Minh Phượng	7B	26	80.85	58.91

**DANH SÁCH THÍ SINH TP. HỒ CHÍ MINH VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Lê Đức Thọ	Tiểu Học	104	2037	174336	Nguyễn Lê Kim Ngọc	5/5	234	89.29	147.17
2	Tiểu học Chi Lăng - P. Thông Tây Hội	Tiểu Học	73	1787	149053	Đặng Ngọc Bảo Quỳnh	4	94	87.7	90.22
3	Tiểu học Tân Đông Hiệp B	Tiểu Học	124	1845	143917	Trần Hoàng Ngọc Bảo Anh	2.11	121	81.5	97.3
4	Tiểu học Quang Trung - P. Tam Thẳng	Tiểu Học	75	1156	97437	Hồ Ngọc Tuấn Minh	2A5	75	96.24	87.74
5	Tiểu học Hoà Bình - P. Sài Gòn	Tiểu Học	51	708	58392	Trần Bảo Kim	3T1	86	83.41	84.44
6	Tiểu học Song Ngữ Vũng Tàu	Tiểu Học	50	587	49152	Nguyễn Ngọc Phương Anh	1.2	31	91.84	67.5
7	Tiểu học Phước Vĩnh An	Tiểu Học	7	479	42009	Nguyễn Gia Bảo	5/2	206	90.67	136.8
8	Tiểu học Tân Tiến	Tiểu Học	4	305	26919	Nguyễn Hữu An Di	5/4	146	89.06	111.84
9	Tiểu học Kim Đồng - P. Bình Tân	Tiểu Học	24	301	24700	Đỗ Minh Anh	5/4	37	93.27	70.76
10	Tiểu học Tân Thành - X. Tân An Hội	Tiểu Học	1	182	15592	LÊ PHẠM QUỲNH ANH	5	182	85.67	124.2
11	Tiểu học Thuận Giao	Tiểu Học	1	64	6215	Nguyễn Thu Trang	5/4	64	97.11	83.87
1	THCS Bình Chuẩn	THCS	2	68	5865	Nguyễn Thuỳ Trang	8A6	34	88.56	66.74
2	THCS Phan Văn Trị	THCS	1	39	3745	Nguyễn Khánh Hân	7.3	39	96.03	73.22
3	THCS Thuận Giao	THCS	1	38	3529	Trần Gia Như	8A8	38	92.87	70.92
4	TH-THCS-THPT Việt Anh 2 (Cấp THCS)	THCS	1	6	574	Nguyễn Hoàng Di San	2	6	95.67	59.8

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH GIA LAI VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Nay Der - P. Ayun Pa	Tiểu Học	5	210	19079	Nguyễn Tấn Phát	4	80	93	87.8
2	Tiểu học số 2 Bình Định	Tiểu Học	4	152	12920	Kiều Bảo Uyên	5D	86	83.64	84.58
1	THCS Ngô Mây - P. Quy Nhơn Nam	THCS	14	212	18258	Ngô Khánh Chi	7A2	85	91.51	88.9
2	THCS Bình Định	THCS	1	24	2228	Nguyễn Ngọc Tú Quyên	6A5	24	92.83	65.3

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH HÀ TĨNH VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Xuân Yên	Tiểu Học	176	5373	414700	Trần Tuấn Vũ	3B	198	79.78	127.07
2	Tiểu học Trung Lương	Tiểu Học	191	4085	311765	Nguyễn Văn Thiên Phú	4B	150	75.36	105.22
3	TH-THCS-THPT Albert Einstein (Cấp TH)	Tiểu Học	236	3596	294636	Lê Đăng Anh Dũng	1a1	94	87.71	90.23
4	Tiểu học Nam Phúc Thăng 2	Tiểu Học	153	2978	220404	Hoàng Khánh Giang	3D	108	80.94	91.76
5	Tiểu học Sơn Trung	Tiểu Học	108	2367	183396	Lê Trí Thành	4A	133	84.47	103.88
6	Tiểu học Kỳ Ninh	Tiểu Học	103	1612	121731	Lê Hữu Hoàng Đăng	4B	110	69.23	85.54
7	Tiểu học Bắc Hà	Tiểu Học	97	1482	119976	Nguyễn Gia Hân	2E	108	88.97	96.58
8	Tiểu học TT Thiên Cầm	Tiểu Học	67	1564	119284	Tô Hoàng Minh Anh	5A	152	77.27	107.16
9	Tiểu học Phan Kính	Tiểu Học	80	1583	119181	Thái Minh Tú	2D	85	79.36	81.62
10	Tiểu học Khánh Vinh Yên	Tiểu Học	107	1429	112242	Ngọc Anh	4B	54	84.13	72.08
11	Tiểu học Thạch Châu	Tiểu Học	44	1314	107380	Lê Ngọc Bích	4a4	117	78.61	93.96
12	Tiểu học Liên Minh	Tiểu Học	69	1385	102782	Phân Diễm Hằng	4A	71	82.18	77.71
13	Tiểu học Xuân An	Tiểu Học	77	1246	99433	Hà Nguyễn Nhật Nam	4C2	89	87.34	88
14	Tiểu học Tùng Ảnh	Tiểu Học	77	1257	97339	Lại Minh Nhật	3D	91	82.86	86.11
15	Tiểu học Mỹ Lộc	Tiểu Học	42	1217	95920	Trần Nguyễn Duy Nghĩa	4A	169	75.12	112.67
16	Tiểu học Cẩm Hưng	Tiểu Học	61	1243	93985	Nguyễn Hồng Anh	5c	64	87.97	78.38
17	Tiểu học Văn Yên	Tiểu Học	65	1197	91439	Bùi Thị Khánh Chi	3	70	85.51	79.31
18	Tiểu học Tân Giang	Tiểu Học	87	1121	89428	Trần Minh Nhật	1B	72	81.86	77.92
19	Tiểu học TT Đức Thọ	Tiểu Học	46	1083	89007	Nguyễn Lê Minh Khang	5E	143	96.64	115.18
20	Tiểu học Thái Yên	Tiểu Học	119	1132	88245	Võ Thị Quỳnh Anh	5A	25	92.4	65.44
21	Tiểu học Cẩm Thành	Tiểu Học	72	1092	84746	Dương Văn An	3B	68	72.6	70.76
22	Tiểu học Kim Hoa	Tiểu Học	51	1082	84054	Đào Ngọc Hân	1A	104	78.51	88.71
23	Tiểu học Thạch Linh	Tiểu Học	41	974	79032	Lê Khánh Ngân	2A6	188	83.86	125.51
24	Tiểu học Hưng Trí	Tiểu Học	71	972	78919	Hoàng Minh Cường	4E	66	92.05	81.63
25	Tiểu học Hương Đô	Tiểu Học	30	1026	76864	Nguyễn Minh Trường	5a2	72	84.61	79.57

26	Tiểu học Xuân Hải	Tiểu Học	42	958	74821	Trần Minh Thành	2A	79	82.13	80.88
27	Tiểu học Đại Nài	Tiểu Học	51	921	74132	Lê Huyền Anh	4B	72	90.01	82.81
28	Tiểu học Cẩm Mỹ	Tiểu Học	43	918	71911	Bùi Phúc Tường An	4A	102	91.83	95.9
29	TH-THCS Phan Đình Giót (Cấp TH)	Tiểu Học	56	874	66469	Nguyễn Phạm Tuấn Kiệt	3B	82	82.9	82.54
30	Tiểu học Kỳ Thịnh 1	Tiểu Học	70	866	65614	Lương gia khánh	3B	68	76.87	73.32
1	THCS Nguyễn Du	THCS	265	4962	403369	Nguyễn Bảo Nhiên	6H	162	84.35	115.41
2	THCS Thạch Linh	THCS	182	4614	360929	Nguyễn Nhã Uyên	7a6	172	86.66	120.8
3	THCS Vũ Diễm	THCS	151	3507	263856	Tôn Đức Hoàn	7C	159	69.81	105.48
4	THCS Nguyễn Tuấn Thiện	THCS	165	2114	166056	Nguyễn Thảo Như	6A6	93	93.19	93.12
5	THCS Hoa Liên	THCS	66	1650	127447	Phan Thị Phương Thảo	7A	131	75.88	97.93
6	THCS Mỹ Duệ	THCS	80	1568	116681	Đào Thị Bảo Hân	6A	171	77.18	114.71
7	THCS TT Tây Sơn	THCS	101	1400	108406	Nguyễn Khắc Cường	7A	93	84.92	88.15
8	THCS Hà Huy Tập	THCS	98	1362	100236	Nguyễn Hà Tường Vy	6A	90	79.18	83.51
9	THCS Đan Trường Hội	THCS	61	1032	82890	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	8A	141	84.45	107.07
10	THCS Nguyễn Trọng Bình	THCS	113	1100	82450	Bùi Đức Nguyên	8A5	60	76.42	69.85
11	THCS Cương Gián	THCS	174	1015	78431	Hoàng Lê Minh Châu	6A1	68	84	77.6
12	THCS Bình Thịnh	THCS	113	1035	75832	Phan Thị Trà My	7D	115	67.68	86.61
13	THCS TT Cẩm Xuyên	THCS	40	847	66730	Hà Vương Phương Linh	7	68	80.16	75.3
14	THCS Lam Hồng	THCS	65	704	54428	Nguyễn Trần Như Ngọc	8C	36	82.31	63.78
15	THCS Đại Thành	THCS	87	678	48387	Lưu Khánh Hoàng	7a1	42	77.05	63.03
16	THCS Phúc Đồng	THCS	32	632	48303	Trần Ngọc Hân	7A	100	86.32	91.79
17	THCS Nguyễn Trãi	THCS	58	612	47536	Nguyenminhphung	8G	83	84.77	84.06
18	THCS Nguyễn Hữu Thái	THCS	67	570	41283	Nguyễn Bảo Anh	7A	41	81.46	65.28
19	THCS Xuân Viên	THCS	10	512	40387	Hoàng Tấn Phát	6B	203	82.81	130.89
20	THCS Hương Trà	THCS	44	495	36706	Trần Văn Quý	7A	82	73.95	77.17

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH VĨNH LONG VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

Xếp hạng	Tên trường	Cấp học	Tổng số HS tham gia thi	Tổng Số bài đạt điều kiện	Điểm thi đua trường	Tên Học Sinh	Tên Lớp	Số bài đạt điều kiện	Điểm số trung bình	Điểm thi đua của học sinh
1	Tiểu học Huỳnh Tấn Phát	Tiểu Học	5	37	2908	Lê Thị Hằng Ny	5A1	20	78.6	55.16
1	THCS Giao Long	THCS	1	2	194	Lê Ngọc Minh Khuê	7/1	2	97	59

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH CÀ MAU VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

Xếp hạng	Tên trường	Cấp học	Tổng số HS tham gia thi	Tổng Số bài đạt điều kiện	Điểm thi đua trường	Tên Học Sinh	Tên Lớp	Số bài đạt điều kiện	Điểm số trung bình	Điểm thi đua của học sinh
1	Tiểu học Việt Anh	Tiểu học	16	571	47243	Phạm Ngọc Nhã Uyên	2A	82	89.91	86.75
1	THCS Khánh Bình	THCS	10	269	19717	Huỳnh Tường Vy	7A2	125	74.32	94.59

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH AN GIANG VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

Xếp hạng	Tên trường	Cấp học	Tổng số HS tham gia thi	Tổng Số bài đạt điều kiện	Điểm thi đua trường	Tên Học Sinh	Tên Lớp	Số bài đạt điều kiện	Điểm số trung bình	Điểm thi đua của học sinh
1	Tiểu học Nguyễn Du	Tiểu học	98	2199	178765	Nguyễn Từ Thiên Nga	3A	96	86.17	90.1
2	Tiểu học Dương Đông 1	Tiểu học	2	68	5649	THÁI NHƯ NGỌC	5/5	65	82.32	75.39
3	PT Quốc tế GIS (Cấp TH)	Tiểu học	1	12	957	Nguyễn Đình Nguyên	5A	12	79.75	52.65
1	THCS Long Thạnh	THCS	157	689	52016	Trần Bửu Cẩm Khoa	6A4	42	87.48	69.29
2	THCS Nguyễn Trãi - P. Châu Đốc	THCS	22	219	17787	Trần Minh Khang	6A4	68	81.01	75.81
3	THCS Châu Phong	THCS	12	146	11392	Huỳnh Nguyễn Nhã Vy	8A5	48	85.94	70.76
4	THCS Đa Phước	THCS	1	4	386	345164190	6	4	96.5	59.5

**DANH SÁCH THÍ SINH TP. HẢI PHÒNG VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Nguyễn Văn Tô	Tiểu học	72	873	72673	Nguyễn Bảo Hân	1A9	98	79.53	86.92
2	Tiểu học Đa Phúc	Tiểu học	3	72	6678	Phạm Mai Anh	5A1	62	92.66	80.4
3	Tiểu học Võ Thị Sáu - P.An Biên	Tiểu học	1	64	5771	Nguyễn Minh Châu	5A8	64	90.17	79.7
4	Tiểu học Nguyễn Tri Phương	Tiểu học	1	61	5645	Mai Gia An	4a2	61	92.54	79.92
5	Tiểu học Nguyễn Thượng Hiền	Tiểu học	6	30	2604	Bùi Huy Hoàng	5a2	8	93.13	59.08
6	Tiểu học Núi Đèo	Tiểu học	4	21	1920	Nguyễn Quang Minh	4a5	13	92.15	60.49
7	Tiểu học Bạch Đằng - P.Hồng Bàng	Tiểu học	1	8	575	Bùi Thị Ngọc Bích	1a1	8	71.88	46.33
1	THCS Ngô Quyền - P.Lê Chân	THCS	4	67	6045	Nguyễn Minh Đạt	8B5	63	91.17	79.9
2	THCS Nguyễn Trãi - X.Nam Sách	THCS	1	8	726	Vũ Minh Hoàng	6C	8	90.75	57.65

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH HƯNG YÊN VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Yên Phú	Tiểu học	23	310	25589	Nguyễn Diệp Chi	3a2	67	79.72	74.63
2	TH-THCS-THPT Marie Curie Thái Bình (Cấp TH)	Tiểu học	1	2	180	Trần Hoài An	2A1	2	90	54.8
1	THCS Quỳnh Côi	THCS	1	7	692	Đình Gia Hân	7C	7	98.86	62.11
2	THCS Kỳ Bá	THCS	1	6	524	Trần Hương Linh	6A5	6	87.33	54.8

**DANH SÁCH THÍ SINH TỈNH NINH BÌNH VÀO VÒNG 2 -MY SCHOOL, MY VIETNAM!**

<b>Xếp hạng</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Cấp học</b>	<b>Tổng số HS tham gia thi</b>	<b>Tổng Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm thi đua trường</b>	<b>Tên Học Sinh</b>	<b>Tên Lớp</b>	<b>Số bài đạt điều kiện</b>	<b>Điểm số trung bình</b>	<b>Điểm thi đua của học sinh</b>
1	Tiểu học Giao Phong	Tiểu Học	236	11434	874961	Nguyễn Tuấn Tú	2B	525	98.41	269.05
2	Tiểu học Trần Quốc Toàn - P.Nam Định	Tiểu Học	240	5411	444234	Phạm Hải Nam	2E	134	82.73	103.24
3	Tiểu học Hồng Quang	Tiểu Học	262	4544	341693	Phạm Mai Anh	4A	270	69.91	149.95
4	Tiểu học Đông Sơn - Trung Sơn	Tiểu Học	191	3450	261108	Trần Mai Thảo Linh	2D	98	79.24	86.75
5	Tiểu Học Lý Tự Trọng	Tiểu Học	239	3183	254981	Trương Bảo Anh	3E	71	88.73	81.64
6	Tiểu học Xuân Đài	Tiểu Học	235	3423	247385	Lê Bảo Ngọc	5A	173	71.73	112.24
7	Tiểu học Xuân Hồng	Tiểu Học	130	3194	243164	Nguyễn Huy Hoàng	2A2	110	76.57	89.94
8	Tiểu học Khánh Hồng	Tiểu Học	109	2872	214880	Mai Thanh Trúc	3D	114	81.72	94.63
9	Tiểu học Hải Trung	Tiểu Học	173	2717	203568	Trần Khánh Linh	5a2	116	89.51	100.11
10	Tiểu học Chu Văn An - P.Nam Định	Tiểu Học	166	2519	203498	Trần Công Thanh	2A2	124	76.34	95.4
11	Tiểu học Khánh Dương	Tiểu Học	122	2609	192021	Nguyễn Quốc Khánh	5c	145	79.58	105.75
12	Tiểu học Nguyễn Trãi - P.Trường Thi	Tiểu Học	138	2331	181996	Tạ Quang Minh	1C	110	74.45	88.67
13	Tiểu học Minh Thuận	Tiểu Học	70	2301	175751	Trần Tiến Tùng	4C	398	81.44	208.07
14	Tiểu học Nhân Mỹ	Tiểu Học	177	2260	166124	Nguyễn Quỳnh Chi	5A	84	76.61	79.56
15	Tiểu học Khánh Cường	Tiểu Học	152	2173	160080	Võ Thị Hồng Hậu	1	136	79.84	102.3
16	Tiểu học Hải Anh	Tiểu Học	130	2101	157192	Hoàng Thị Thu Phương	5A1	82	79.66	80.6
17	Tiểu học Nam Thành	Tiểu Học	107	2030	156478	Lê Kiều Thảo Linh	1A7	120	79.47	95.68
18	Tiểu học Hồng Thuận	Tiểu Học	108	1977	152361	Nguyễn Huy Hoàng	3B1	151	75.74	105.85
19	Tiểu học Nghĩa An	Tiểu Học	118	1932	145610	Hoàng Đỗ Mỹ Linh	2B	50	82.44	69.46
20	Tiểu học Yên Định	Tiểu Học	113	1825	143352	Đình Phúc Nhật Minh	5D	172	77.74	115.44
21	Tiểu học Mai Sơn	Tiểu Học	136	1870	141021	Nguyễn Ngọc Tâm Đan	3c	61	86.11	76.07
22	Tiểu học Nam Điền	Tiểu Học	87	1840	136203	Nguyễn Gia Phúc	3B	205	75.78	127.47
23	Tiểu học Lưu Phương	Tiểu Học	127	1767	130892	Phạm Quốc Trọng	4A	66	72.48	69.89
24	Tiểu học Nghĩa Châu	Tiểu Học	110	1692	128288	Tổng Ngọc Minh Châu	5b	189	82.47	125.08

25	Tiểu học Xuân Khê	Tiểu Học	126	1722	124162	Ngô Thùy Linh	3A	108	73.35	87.21
26	Tiểu học Nhân Thịnh	Tiểu Học	119	1570	119889	Nguyễn Phương Uyên	1C	84	91.36	88.41
27	Tiểu học Khánh Thủy	Tiểu Học	90	1598	118499	Nguyễn Cao Minh	5	164	82.12	114.87
28	Tiểu học Phú Lộc	Tiểu Học	108	1485	111693	Đào Hải Yến	3c	64	81.19	74.31
29	Tiểu học Xuân Giang	Tiểu Học	119	1469	109274	Phạm Huyền Trang	2D	107	74.39	87.44
30	Tiểu học Hải An	Tiểu Học	69	1387	107126	Nguyễn Hải Đăng	3E	100	91.2	94.72
1	THCS Lý Tự Trọng	THCS	1073	15477	1220402	Lê Đăng Quang	6A13	199	96.1	137.26
2	THCS Thanh Hà	THCS	309	9752	749383	Nguyễn Nhật Linh	8A1	153	94.86	118.11
3	THCS Nam Cao	THCS	130	4140	333316	Nguyễn Khôi Nguyên	7C	205	80.52	130.31
4	THCS Đồng Giao	THCS	157	3537	299409	Trần Lê Ngọc Hà	8A	123	94.13	105.68
5	THCS Đình Tiên Hoàng - Bích Đào	THCS	186	3622	282818	Trịnh Quang Anh	7B	81	88.02	85.21
6	THCS Yên Thịnh	THCS	296	3219	249352	Đình Trường Nguyên	7B	92	82.66	86.4
7	THCS Kim Thái	THCS	139	3016	229791	Mai Minh Hiếu	6B	200	78.36	127.02
8	THCS Phát Diệm	THCS	140	2545	201748	Đỗ Phương Thảo	8E	177	79.79	118.67
9	THCS Trần Quốc Toàn	THCS	84	1795	143313	Lương Diệp Chi	6A5	68	99.18	86.71
10	THCS Phùng Chí Kiên	THCS	149	1543	126876	Vũ Phạm Thảo Chi	6A4	112	88.98	98.19
11	THCS Gia Lâm	THCS	57	1537	121714	Nguyễn Phương Giang	8A	121	84.88	99.33
12	THCS Hoàng Nam	THCS	138	1589	115972	Ngô Linh Anh	6A	86	76.38	80.23
13	THCS Trần Phú	THCS	76	1223	98950	Lê Thu Hà	7a6	79	90.63	85.98
14	THCS Gia Hưng	THCS	80	930	67172	Đình Ngọc Bảo Trâm	6B	62	79.18	72.31
15	THCS Sơn Hà	THCS	25	846	64002	Đình Thị Hương Giang	8B	78	90.35	85.41
16	THCS Bắc Lý	THCS	45	650	50019	Nguyễn Thanh Thúy	8E	74	84.54	80.32
17	THCS Tân Sơn	THCS	79	652	47743	Ngô Anh Thái	8D	32	96.69	70.81
18	THCS Nhật Tân	THCS	73	648	47422	Nguyễn Ngọc Huyền	6C	58	68.84	64.51
19	THCS Thanh Sơn	THCS	43	548	42895	Nguyễn Hương Giang	8G	65	86.75	78.05
20	THCS Ninh Mỹ	THCS	90	522	37811	Đình Diệu Khánh	8C	13	84.69	56.02